CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

Trà Vinh, tháng 05/2022

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

CHỦ CƠ SỞ

M.S.C.N: 1300382312 - C.T.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI - H. CÀNG LONG - T. TRÀ VINH

Trần Văn Hữu

Trà Vinh, tháng 05/2022

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC 1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU 4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ 6
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1.1. Tên chủ cơ sở 7
1.2. Tên cơ sở 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở 9
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 9
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở 12
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở 12
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 14
2.1. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải 14
2.2. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải 14
2.3. Khả năng chịu tải của môi trường 14
2.3.1 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận 14
2.3.2 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước 14
2.3.3 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thuỷ vực 16
2.3.4 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế xã hội khác 16
2.3.5 Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước 16
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 23
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 23
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 23
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 24
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 29
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 33

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....34
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 34
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 34
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 36
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....36
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....38
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....39
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 40
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....40
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.....41
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường lao động.....41
5.4. Kết quả vận hành thử nghiệm 43
5.4.1 Công trình xử lý nước thải.....43
5.4.2 Công trình xử lý khí thải.....48
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 50
6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....50
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 51
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 52
PHẦN PHỤ LỤC 53

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	Biochemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy sinh học
BQL	Ban Quản lý
CN	Công nghiệp
COD	Chemical Oxygen Demand – nhu cầu oxy hoá học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CO_x	Oxit của cacbon
DD	Dân dụng
ĐTXD	Đầu tư xây dựng
DO	Oxy hòa tan
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
NO_x	Oxit của nitơ
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SO_x	Oxit của lưu huỳnh
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Trang

Bảng 1.1: Tình hình thực hiện các hạng mục công trình tại dự án.....7
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước tại dự án.....13
Bảng 2.1 Tác động của nước thải đối với môi trường nước.....15
Bảng 2.2 Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....18
Bảng 2.3 Chất lượng nước mặt sông Càng Long (khu vực gần cầu Mỹ Huê) năm 2021 19
Bảng 2.4 Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn}).....19
Bảng 2.5 Kết quả phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý của Cơ sở.....20
Bảng 2.6 Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải sinh hoạt của Cơ sở.....20
Bảng 2.7 Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải từ HTXL khí thải.....21
Bảng 2.8 Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ HTXL khí thải 21
Bảng 2.9 Bảng tổng tải lượng các thông số ô nhiễm xả thải vào sông Càng Long 21
Bảng 2.10 Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Càng Long 22
Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....26
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt.....36
Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải công nghiệp.....37
Bảng 4.3: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư.....38
Bảng 4.4: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau Hệ thống lọc bụi túi vải.....39
Bảng 4.5: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong môi trường lao động (sau cyclone thu bụi) 39
Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở.....40
Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở.....41
Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở.....41
Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả xử lý theo từng công đoạn của HTXL nước thải sinh hoạt 43

Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành thử nghiệm 44

Bảng 5.6: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành ổn định 45

Bảng 5.7: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư giai đoạn vận hành thử nghiệm.....46

Bảng 5.8: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư giai đoạn vận hành ổn định.....47

Bảng 5.9: Tổng hợp kết quả xử lý của Hệ thống xử lý khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm 48

Bảng 5.10: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL khí thải giai đoạn vận hành ổn định 49

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Trang

Hình 1.1: Quy trình lau bóng gạo tại dự án 10
Hình 1.2: Quy trình sấy và xay xát lúa tại dự án 11
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy lau bóng gạo...23
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy sấy và xay xát.23
Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt tại dự án 25
Hình 3.4: Sơ đồ thu gom và thoát nước của hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải 28
Hình 3.5: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ công đoạn lau bóng 29
Hình 3.6: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi của hoạt động nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất 30
Hình 3.7: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi của hoạt động xay.....31
Hình 3.8: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư của công đoạn sấy lúa 33

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài
- Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện: (Ông) Trần Văn Hữu Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0294 3885 558
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 1300382312-001 đăng ký lần đầu ngày 18/3/2013.

1.2. Tên cơ sở

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

- Địa điểm cơ sở: Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài".
- Quy mô cơ sở: Căn cứ điểm d Khoản 4 Điều 8 và Khoản 3 điều 10 Luật đầu tư công năm 2019, Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài thuộc dự án nhóm C, công trình công nghiệp. Căn cứ mục 2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 dự án thuộc nhóm III. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 và điểm c Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh.
- Cơ sở có 03 hạng mục công trình như sau:
  + Hạng mục công trình chính: Nhà máy lau bóng, nhà máy sấy và xay xát.
  + Hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống cấp điện, cấp nước, giao thông nội bộ, hàng rào, hệ thống phòng cháy chữa cháy, bờ kè, hệ thống thông tin liên lạc, nhà để xe,…
  + Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: hệ thống xử lý bụi bằng túi vải; hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư; hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư 4m^3/ngày; hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 4,5m^3/ngày, nhà vệ sinh, kho chứa CTNH.

Bảng 1.1: Tình hình thực hiện các hạng mục công trình tại dự án

Stt	Hạng mục	Quy mô (m^2)	Tỉ lệ (%)	Tiến độ thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
I	**Hạng mục công trình chính**	**5.821**	**72,69**		
A	**Nhà máy lau bóng**	**2.890**	**36,09**		

Stt	Hạng mục	Quy mô (m^2)	Tỉ lệ (%)	Tiến độ thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Nhà xưởng sản xuất	2.600	32,47	09/2012	01/2013
2	Khu vực chứa cám	140	1,75	09/2012	01/2013
3	Khu văn phòng làm việc	70	0,87	09/2012	01/2013
4	Nhà nghỉ công nhân	80	1	09/2012	01/2013
B	**Nhà máy sấy và xay xát**	**2.544**	**31,77**		
1	Khu vực sấy lúa	650	8,12	12/2015	05/2016
2	Khu vực chứa lúa sau sấy	350	4,37	12/2015	05/2016
3	Khu vực xay xát	136	1,7	12/2015	05/2016
4	Khu vực chứa trấu	1.408	17,58	12/2015	05/2016
II	**Hạng mục công trình phụ trợ**	**1907,3**	**23,82**		
A	**Nhà máy lau bóng**	**775**	**9,68**		
1	Trạm điện 800 kVA	20	0,25	09/2012	01/2013
2	Nhà để xe	200	2,5	09/2012	01/2013
3	Bể chứa nước cấp	10	0,12	09/2012	01/2013
4	Đường giao thông nội bộ, tường rào, cây xanh	682,2	8,53	09/2012	01/2013
5	Bờ kè	98,4MD	-	09/2012	01/2013
6	Hệ thống thông tin liên lạc, camera giám sát	-	-	09/2012	01/2013
7	Hệ thống PCCC	-	-	09/2012	01/2013
B	**Nhà máy sấy và xay xát**	**994,5**	**12,42**		
1	Trạm điện, 560 kVA, 750 kVA	30	0,37	12/2015	05/2016
2	Đường giao thông nội bộ, tường rào, cây xanh	964,5	12,04	12/2015	05/2016
3	Bờ kè	83,7MD	-	12/2015	05/2016
4	Hệ thống camera giám sát	-	-	12/2015	05/2016
5	Hệ thống PCCC	-	-	12/2015	05/2016
III	**Hạng mục công trình bảo vệ môi trường**	**279,7**	**3,38**		
A	**Nhà máy lau bóng**	**19,2**	**0,24**		
1	Nhà vệ sinh	12	0,15	09/2012	01/2013
2	HTXL nước thải sinh hoạt	3,2	0,04	09/2012	01/2013
3	Kho chứa CTNH	4	0,05	09/2012	01/2013

Stt	Hạng mục	Quy mô (m^2)	Tỉ lệ (%)	Tiến độ thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
4	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	-	-	09/2012	01/2013
5	Hệ thống thu gom thoát nước thải sinh hoạt	-	-	09/2012	01/2013
B	**Nhà máy sấy và xay xát**	**251,5**	**3,14**		
1	HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư	121,5	1,52	12/2015	05/2016
2	HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư	40	0,5	12/2015	05/2016
3	HTXL bụi bằng túi vải	90	1,12	12/2015	05/2016
4	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	-	-	12/2015	05/2016
5	Hệ thống thu gom thoát nước thải sinh hoạt	-	-	12/2015	05/2016

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài hoạt động với quy mô công suất của dây chuyền sấy, xay xát và lau bóng như sau:

+ Dây chuyền sấy lúa: 200 tấn/ngày;
+ Dây chuyền xay xát: 180 tấn/ngày;
+ Dây chuyền lau bóng: 160 tấn/ngày.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình công nghệ lau bóng gạo

Quy trình công nghệ lau bóng gạo được thể hiện như hình 1.1

Thuyết minh quy trình:

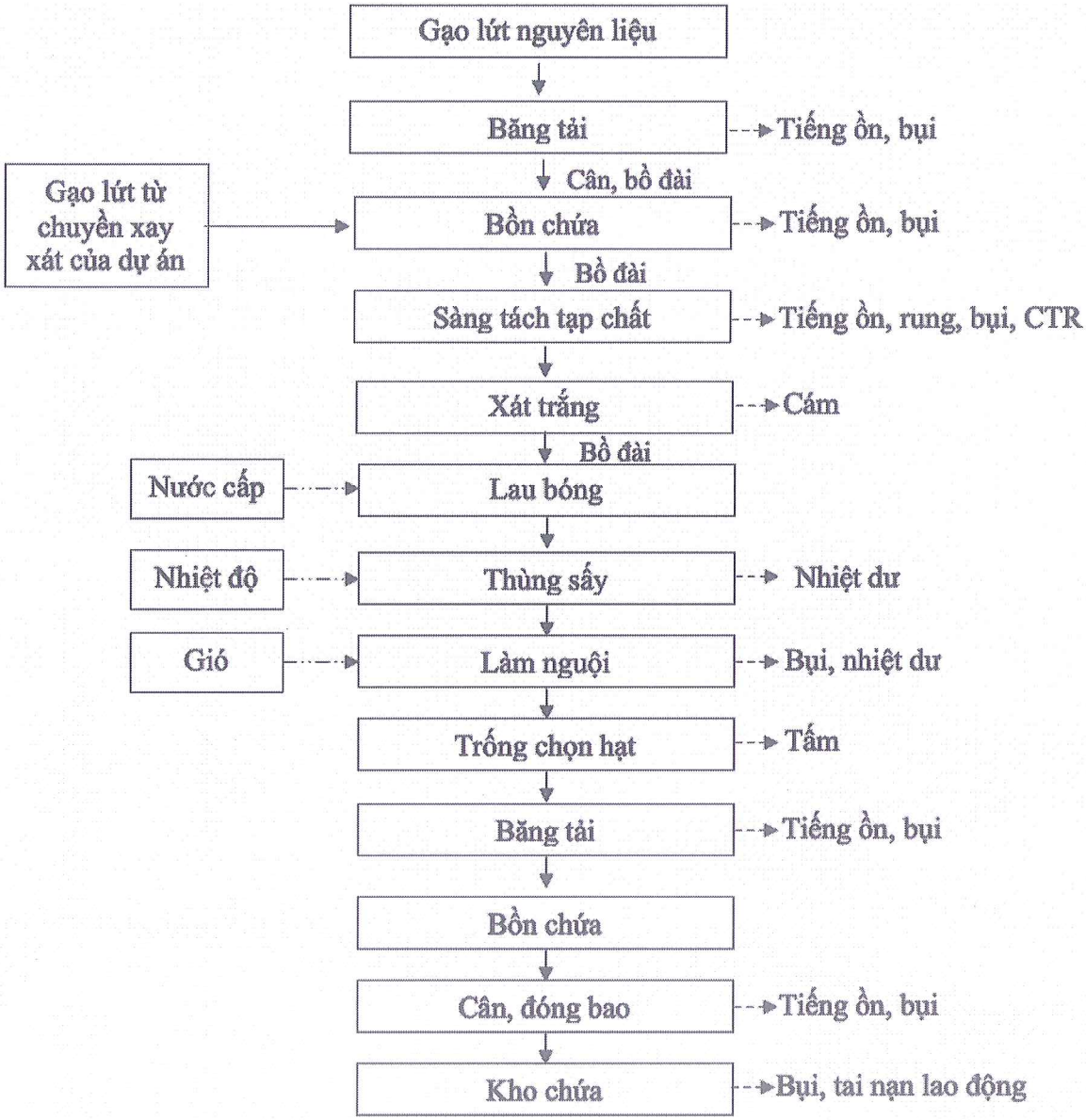
Gạo lứt nguyên liệu từ ghe, tàu của khách hàng được đưa vào cửa nạp liệu của dây chuyền lau bóng thông qua băng tải, nguyên liệu được gàu tải đưa qua hệ thống cân để kiểm tra khối lượng trước khi vào bồn chứa lưu trữ và định lượng cho các công đoạn sau. Gạo lứt từ chuyền xay xát của dự án thông qua băng tải đưa đến hệ thống cân và lưu trữ trong bồn chứa của dây chuyền lau bóng gạo.

Nguyên liệu từ bồn chứa sẽ qua sàng để loại các tạp chất trước khi đưa vào máy xát trắng để tách vỏ lụa bọc bên ngoài hạt gạo lứt, nguyên liệu sau khi qua máy xát trắng sẽ theo gàu tải đi vào máy đánh bóng, tại đây hạt gạo được tiếp xúc với nước dưới dạng phun sương để tăng thêm độ ẩm, nhằm làm gạo được bóng hơn và hạn chế bị bể, gãy trong quá trình lau bóng.

Gạo sau khi lau bóng sẽ được sấy khô bằng nhiệt độ trước khi được làm nguội bằng gió cấp từ hệ thống quạt. Tùy theo yêu cầu của khách hàng hoặc theo hợp đồng đã ký kết, gạo sau khi được làm nguội sẽ được cho qua trống chọn hạt để loại bỏ những hạt gạo bể, gãy không đạt tiêu chuẩn. Hạt gạo đạt tiêu chuẩn sẽ được vận

chuyển đến bồn chứa gạo thành phẩm bằng băng tải. Tại đây, gạo từ bồn chứa sẽ được cân và đóng bao để tập kết vào kho chứa, khi có đơn hàng sẽ giao cho khách hàng.

Các loại phụ phẩm như tấm, cám phát sinh được phân loại riêng, cân và đóng bao, được công nhân vận chuyển tập kết vào kho chứa, khi có đơn hàng sẽ giao cho khách hàng.



Hình 1.1: Quy trình lau bóng gạo tại dự án

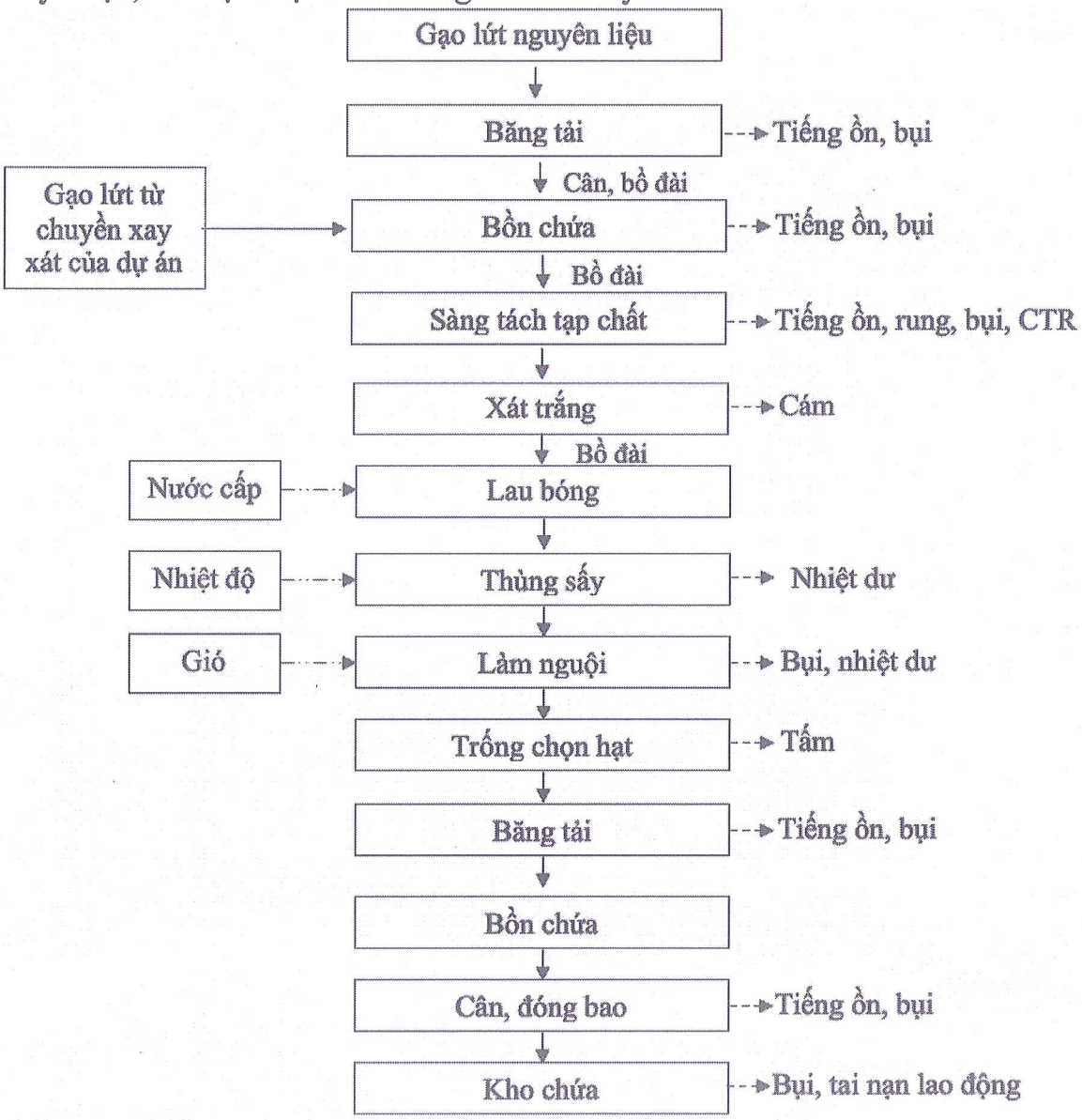
b. Quy trình công nghệ sấy và xay xát lúa

Quy trình công nghệ sấy và xay xát lúa được thể hiện ở hình 1.2 như sau:

Thuyết minh quy trình:

Đối với trường hợp lúa khô được công nhân trực tiếp đưa lên băng tải để chuyển vào bồn chứa, đối với trường hợp lúa có độ ẩm cao (lúa ướt) sẽ được cho vào lò sấy lúa, sấy cho đến khi khô và được bù đài múc đưa vào bồn chứa lưu trữ, nhiên liệu được dùng để cung cấp nhiệt độ cho lò sấy là trấu sinh ra từ dây chuyền xay xát của dự án. Lúa từ bồn chứa lưu trữ được băng tải đưa đến thiết bị sàng phân loại, nhờ

hoạt động rung và sàng của thiết bị, các loại tạp chất bị lẫn trong lúa như: đất, rơm rạ, dây buộc,... được loại ra và thu gom để xử lý.



Hình 1.2: Quy trình sấy và xay xát lúa tại dự án

Sau đó lúa được bù đài múc đưa vào thiết bị tách vỏ, các thiết bị tách vỏ là các cối thung được lắp đặt song song, khi lúa vào trong cối lứt, dưới sức ép của hệ thống trục vít trong thiết bị, lớp vỏ trấu bao bọc bên ngoài hạt lúa và một phần lớp vỏ cám liền kề lớp trấu được tách ra, do đó, hỗn hợp phát sinh thu được sau cối lứt là gạo lứt, tấm, trấu và cám to.

Kế đến, hỗn hợp gạo lứt, trấu và cám to được gàu tải đưa qua công đoạn phân loại bởi thiết bị rê và gằng, tại đây trấu, tấm và cám to được tách ra khỏi hỗn hợp và theo từng hệ thống riêng biệt thu gom như sau:

- Trấu được hệ thống băng tải lùa và vận chuyển về kho chứa trấu, một phần được băng tải lùa đưa vào bồn đốt sấy lúa;

- Tấm, cám to được cân định lượng, đóng bao và được công nhân vận chuyển về kho chứa.

- Gạo lứt được cân và theo gàu tải đưa trực tiếp vào bồn chứa nguyên liệu của dây chuyền xay xát. Sau đó được vận chuyển bằng băng tải về nhà máy lau bóng gạo.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" bao gồm:

- Lúa sấy: 180 tấn/ngày;
- Gạo lứt: 160 tấn/ngày;
- Gạo trắng: 120 tấn/ngày.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu

Nhu cầu về nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của cơ sở như sau:

- Nhu cầu sử dụng gạo lứt: 160 tấn/ngày;
- Nhu cầu sử dụng lúa sấy: 200 tấn/ngày;
- Nhu cầu sử dụng lúa xay xát: 184 tấn/ngày;
- Nhu cầu sử dụng trấu vận hành lò sấy: 11,52 tấn/ngày.

b. Nhu cầu sử dụng điện, nước

Nhu cầu sử dụng điện

- Mục đích sử dụng điện tại cơ sở để vận hành máy móc, thiết bị thuộc nhà máy lau bóng và nhà máy sấy và xay xát, vận hành các hệ thống chiếu sáng, xử lý nước cấp – nước thải,... Trung bình mỗi tháng tại dự án sử dụng khoảng 353.000kWh.

Nhu cầu sử dụng nước

- Nước cấp sinh hoạt: phục vụ cho sinh hoạt của 55 công nhân và khoảng 10 khách hàng cần sử dụng tối đa khoảng 4,45 m^3/ngày.đêm.

- Nước cấp sản xuất: Lượng nước cấp phục vụ sản xuất cho công đoạn lau bóng. Theo đó, lượng nước sử dụng khoảng là 100,6 m^3/tháng (tương đương 3,35 m^3/ngày).

- Nước cấp cho tưới cây, sân đường: lượng nước cấp cho cây xanh là 0,21 m^3/ngày.

- Nước cấp cho công tác PCCC: nguồn cung cấp nước chữa cháy sẽ được chủ cơ sở sử dụng là nước mặt sông Càng Long.

- Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải: Lượng nước cấp sử dụng để vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư khoảng là 300 m^3/tháng (tương đương 10 m^3/ngày). Lượng nước được sử dụng là nước mặt tại Rạch Khóm 7, chủ dự án đã bố trí máy bơm và bể chứa nước nhằm đảm bảo luôn có đủ lượng nước để vận hành hệ thống.

Vậy, tổng lưu lượng nước cần cung cấp cho quá trình hoạt động tại dự án ước tính khoảng 18,01m^3/ngày.đêm (không bao gồm lượng nước cấp cho PCCC).

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng nước tại dự án

Stt	Mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Sinh hoạt	m^3/ngày	4,45	Trung tâm NS&VSMTNT Càng Long
2	Hoạt động lau bóng	m^3/ngày	3,35	
3	Tưới cây xanh	m^3/ngày	0,21	
4	Hoạt động xử lý khí thải	m^3/ngày	10,00	Rạch Khóm 7
Tổng cộng		**m^3/ngày**	**18,01**	-
5	Phòng cháy chữa cháy	m^3/đám cháy	108	Sông Càng Long

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải

Nước mặt tại khu vực sông Càng Long chủ yếu phục vụ cho giao thông thủy, phục vụ nông nghiệp và các mục đích sinh hoạt khác với yêu cầu chất lượng thấp.

Các hộ dân xung quanh khu vực tiếp nhận nước thải sử dụng nguồn nước từ trạm cấp nước khu vực để sinh hoạt và ăn uống.

2.2. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải

Ngoài nguồn nước thải của Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài, đoạn sông Càng Long còn tiếp nhận nguồn thải khác là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, hộ kinh doanh dịch vụ (nước thải sau hầm tự hoại) và nước thải phát sinh tại các chợ trên địa bàn thị trấn Càng Long, trong đó nguồn thải cần được quan tâm đánh giá là nước thải phát sinh tại khu vực chợ Mỹ Huê cách điểm xả thải khoảng 150m theo hướng Tây Nam (về phía hạ nguồn). Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực chợ có nồng độ chất ô nhiễm cao, vì nguồn thải này chưa được xử lý và thải trực tiếp vào khu vực sông Càng Long. Nước thải sinh hoạt: từ các hộ dân, hộ kinh doanh dịch vụ và nước thải phát sinh tại chợ Mỹ Huê, nguồn thải này chưa được xử lý và thải trực tiếp vào sông Càng Long.

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường, vị trí quan trắc khu vực gần cầu Mỹ Huê là điểm tiếp nhận nước thải từ khu vực chợ Mỹ Huê. Do đó, khi đánh giá khả năng tiếp nhận, đơn vị tư vấn chỉ đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn thải từ Cơ sở.

2.3. Khả năng chịu tải của môi trường

2.3.1 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận

Nguồn tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài là khu vực sông Càng Long.

Sông Càng Long có tổng chiều dài là 20 km, đoạn chảy qua khu vực đô thị thị trấn Càng Long với chiều dài 5,0 km, rộng 20 - 30 m, sâu 03 - 06 m, sông Càng Long nối liền với sông Cổ Chiên nên thủy triều của sông này phụ thuộc vào thủy triều của sông Cổ Chiên, mỗi ngày triều lên và triều xuống có biên độ và mực nước cao (đỉnh triều dao động từ 0,6 m - 1,52 m), nên có tiềm năng tiêu thoát tự chảy rất lớn, khả năng tự làm sạch nguồn nước cao. Lưu lượng xả thải lớn nhất của Cơ sở là 0,00009838 m^3/s, lưu lượng rất thấp so với lưu lượng trung bình của sông Càng Long là 18 m^3/s. Do đó, lưu lượng xả thải của Cơ sở ảnh hưởng không đáng kể đến chế độ thủy văn của sông Càng Long.

2.3.2 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

Trong nước thải của Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài gồm những yếu tố ô nhiễm như chất hữu cơ, dầu mỡ động, thực vật, vi sinh. Vì vậy nếu không xử lý tốt

trước khi thải ra môi trường xung quanh sẽ ảnh hưởng đến nguồn nước tiếp nhận, cụ thể nước sông Càng Long bởi những tác động như sau:

- Nước thải của Cơ sở có hàm lượng các chất hữu cơ cao làm tăng mức độ phú dưỡng nguồn tiếp nhận, dẫn đến làm giảm ôxy hòa tan trong nước, tạo điều kiện cho rong, tảo phát triển, khi hiện tượng phú dưỡng càng cao sẽ gây ra hiện tượng phân hủy chất hữu cơ và sản sinh các sản phẩm độc hại như H_2S, CH_4...gây mùi hôi thối, tác hại nghiêm trọng đến môi trường nước mặt, gây mất mỹ quan đô thị.

- Chất rắn lơ lửng cũng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường nguồn tiếp nhận, chất lơ lửng làm tăng độ đục của nguồn nước, làm giảm khả năng tiếp nhận ánh sáng của nguồn nước, gây ảnh hưởng quá trình oxy hóa trong nước và làm cho nước có màu, có độ đục cao, gây ảnh hưởng đến khả năng khai thác tiềm năng của nước, làm ảnh hưởng đến khả năng tự làm sạch của nguồn nước. Hiện tượng lắng đọng chất rắn lơ lửng, gây ra quá trình phân hủy yếm khí, lâu ngày tạo thành lớp bùn có màu đen, khi gặp hiện tượng nắng nóng sẽ xuất hiện các bọt khí và mang một phần lớp bùn lên mặt nước, phát sinh mùi hôi thối gây mất mỹ quan khu vực.

- Trong nước thải còn có chứa các loại vi khuẩn gây bệnh đường ruột có khả năng lây lan cho người và động vật.

Bảng 2.1 Tác động của nước thải đối với môi trường nước

Stt	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ (BOD, COD)	- Giảm nồng độ ôxy hoà tan trong nước - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
2	Chất rắn lơ lửng	- Tăng độ đục của dòng nước, gây lắng đọng tại vị trí xả thải làm cản trở dòng chảy. - Ảnh hưởng đến chất lượng nước, tài nguyên thủy sinh.
3	Các chất dinh dưỡng (N, P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống thủy sinh.
4	Các vi khuẩn gây bệnh	- Nước thải có chứa các loại vi khuẩn gây bệnh như: + Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột. + E.coli (Escherichia Coli) là vi khuẩn thuộc nhóm Coliform, có nhiều trong phân người.
5	Dầu mỡ	- Ảnh hưởng đến chất lượng nước, nồng độ oxy hòa tan trong nước. - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh.

Tuy nhiên, nước mặt tại khu vực sông Càng Long chủ yếu phục vụ cho giao thông thủy, phục vụ nông nghiệp và các mục đích sinh hoạt khác với yêu cầu chất lượng thấp. Bên cạnh đó, Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4,5m^3/ngày.đêm đảm bảo nước thải đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (loại B, K=1,2); hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải công suất 4m^3/h đảm bảo nước thải đầu ra đạt giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B (hệ số K_q = 1, K_f = 1,2) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.3.3 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thuỷ vực

Qua kết quả phân tích mẫu nước thải trước khi xử lý cho thấy, nồng độ của các chất ô nhiễm trong nước là quá cao, trong đó các chất hữu cơ và chất dinh dưỡng là nguyên nhân chính gây phú dưỡng hóa dẫn đến tảo phát triển mạnh, ngăn cản ánh sáng làm thiếu hụt oxy trong môi trường nước, ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái thủy sinh.

Chất lơ lửng cũng là tác nhân gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thủy sinh của khu vực, chúng làm tăng độ đục trong nguồn nước, làm giảm khả năng tiếp nhận ánh sáng của các tầng nước, dẫn đến hạn chế quá trình quang hợp của thực vật thủy sinh. Ngoài ra chất lơ lửng sẽ tương tác với các chất bẩn khác có trong nước thải, làm tích tụ chất độc trong các động vật, thực vật thủy sinh.

Tuy nhiên, Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4,5m^3/ngày.đêm đảm bảo nước thải đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (loại B, K=1,2); hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải công suất 4m^3/h đảm bảo nước thải đầu ra đạt giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B (hệ số K_q = 1, K_f = 1,2) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.3.4 Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế xã hội khác

Với tính chất nước thải của Cơ sở là chứa các chất ô nhiễm như pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, NH_4^+-N, PO_4^{3-}-P, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt. Nếu chất lượng nước thải không được kiểm soát tốt sẽ tác động đến các hoạt động kinh tế xã hội trong vùng như sau:

- Các hoạt động sản xuất nông nghiệp
- Các hoạt động khai thác tài nguyên dưới nước
- Các hoạt động du lịch, dịch vụ
- Sức khỏe cộng đồng

Tuy nhiên, Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4,5m^3/ngày.đêm đảm bảo nước thải đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (loại B, K=1,2); hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải công suất 4m^3/h đảm bảo nước thải đầu ra đạt giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B (hệ số K_q = 1, K_f = 1,2) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Do đó các tác động của việc xả thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội trong vùng là không đáng kể.

2.3.5 Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước

Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường là việc xem xét nguồn nước tiếp nhận có thể nhận thêm một tải lượng ô nhiễm từ nước thải của Cơ sở mà vẫn đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.

Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày

29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ, cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: Nguồn tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở là sông Càng Long. Sông Càng Long có tổng chiều dài là 20 km, đoạn chảy qua khu vực đô thị thị trấn Càng Long với chiều dài 5,0 km, rộng 20 - 30 m, sâu 03 - 06 m. Do đó, theo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, khu vực cần đánh giá khả năng nhận nước thải, sức chịu tải là đoạn sông Càng Long chảy qua khu đô thị thị trấn Càng Long có chiều dài khoảng 5,0 km.

- Xác định mục đích sử dụng nước của sông Càng Long: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt sông Càng Long dùng cho mục đích giao thông, tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, QCVN 08-MT:BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD_5, NH_4^+-N, NO_3^--N, PO_4^{3-}-P, TSS.

- Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn sông Càng Long có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn sông và không bị ảnh hưởng của thuỷ triều nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích của các nguồn nước thải xả vào đoạn sông và quá trình gia nhập dòng chảy, biến đổi của các chất ô nhiễm.

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận. nước thải là sông Càng Long bằng phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

Công thức đánh giá: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times F_s$

- Trong đó:
  + L_{tn}: Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;
  + L_{td}: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;
  + L_{nn}: Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;
  + L_t: Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải, đơn vị tính là kg/ngày;
  + F_s: Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,3 – 0,7 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận

nước thải, sức chịu tải quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định.

Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

- Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$
- Trong đó:
  + C_{qc}: Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột A2.
  + Q_s: Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s. Theo Báo cáo tổng hợp Dự án nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính - Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường, lưu lượng dòng chảy của sông Long Bình là 18 m^3/s. Sông Càng Long cũng là một nhánh của Sông Cổ Chiên, có chiều rộng và độ sâu tương tự như sông Long Bình. Do đó ước tính lưu lượng dòng chảy của sông Càng Long là khoảng 18 m^3/s.
  + Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 2.2 Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

TT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	15	18	86,4	23.328
2	BOD_5	6	18	86,4	9.331.2
3	NH_4^+-N	0,3	18	86,4	466,56
4	NO_3^--N	5	18	86,4	7.776
5	PO_4^{3-}-P	0,2	18	86,4	311,04
6	TSS	30	18	86,4	46.656

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

- Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_S \times 86,4$
- Trong đó:

+ C_{nn}: kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+ Q_S: Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s. Theo Báo cáo tổng hợp Dự án nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường, lưu lượng dòng chảy của sông Long Bình là 18

m^3/s. Sông Càng Long cũng là một nhánh của Sông Cổ Chiên, có chiều rộng và độ sâu tương tự như sông Long Bình. Do đó ước tính lưu lượng dòng chảy của sông Càng Long là khoảng 18 m^3/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước sông Càng Long, đơn vị tư vấn đã tham khảo kết quả quan trắc nước mặt sông Càng Long từ *Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021* của *Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường*, cụ thể như sau:

- Vị trí: mẫu nước mặt gần cầu Mỹ Huê (cách điểm xả thải của Cơ sở khoảng 100m về phía hạ nguồn.

- Kết quả phân tích phân tích chất lượng nước mặt sông Càng Long như sau:

Bảng 2.3 Chất lượng nước mặt sông Càng Long (khu vực gần cầu Mỹ Huê) năm 2021

Stt	Thông số	Đơn vị	TB Năm 2021	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
1	TSS	mg/L	**35,9**	**30**
2	COD	mg/L	**16**	**15**
3	BOD_5	mg/L	2,9	**6**
4	NH_4^+-N	mg/L	0,17	**0,3**
5	NO_3^- -N	mg/L	0,344	**5**
6	PO_4^{3-} -P	mg/L	0,125	**0,2**

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

Như vậy, giá trị của C_{nn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của năm 2021. Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 2.4 Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

TT	Thông số	C_{nn} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	COD	**16**	18	86,4	24.883,2
2	BOD_5	2,9	18	86,4	4.510,08
3	NH_4^+-N	0,17	18	86,4	264,384
4	PO_4^{3-}-P	0,125	18	86,4	194,4
5	NO_3^--N	0,344	18	86,4	534,99
6	TSS	**35,9**	18	86,4	55.831,68

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

- Công thức xác định: $L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$

- Trong đó:

+ Q_t: Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là m^3/s;

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

+ C_t: Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là mg/l;

Nhằm đánh giá chính xác khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Càng Long, đơn vị tư vấn tiến hành đánh giá chất lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài và của các đối tượng xả nước thải vào sông Càng Long với lưu lượng xả thải lớn nhất, tần suất xả thải liên tục, qua đó dự báo được tải lượng tối đa của các thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, cụ thể như sau:

Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của của Cơ sở (L_t)

Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Cơ sở với nguồn thải là nước thải sinh hoạt, lưu lượng lớn nhất là 4,5 m^3/ngày tương đương 0,00005208m^3/s.

- Vị trí lấy mẫu: 07 mẫu nước thải sinh hoạt sau xử lý với các chỉ tiêu: pH, BOD_5, TSS, Amoni (tính theo N), PO_4^{3-}-P, Coliforms, Dầu, mỡ động thực vật. Được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.5 Kết quả phân tích chất lượng nước thải sinh hoạt sau xử lý của Cơ sở

TT	Thông số	Nước thải sau xử lý							
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	C_{t1}
1	TSS	34	32	32	30	30	29	28	30,71
2	BOD_5	27	25	27	25	24	22	21	24,43
3	PO_4^{3-}-P	2,95	2,68	2,84	2,75	2,03	2,63	2,03	2,56
4	NH_4^+-N	4,85	4,45	4,2	3,95	3,65	3,14	3,47	3,96

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Bảng 2.6 Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải sinh hoạt của Cơ sở

TT	Thông số	C_t mg/l	Q_t m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t1} (kg/ngày)
1	TSS	30,71	0,00005208	86,4	0,13818616
2	BOD_5	24,43	0,00005208	86,4	0,10992796
3	NH_4^+-N	3,96	0,00005208	86,4	0,01781886

TT	Thông số	C_t mg/l	Q_t m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t1} (kg/ngày)
4	PO_4^{3-}-P	2,56	0,00005208	86,4	0,01151926

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Cơ sở với nguồn thải là nước thải sau HTXL khí thải, lưu lượng lớn nhất là 4 m^3/ngày tương đương 0,0000463m^3/s.

- Vị trí lấy mẫu: 07 mẫu nước thải sau xử lý của HTXL nước thải từ HTXL khí thải với các chỉ tiêu: pH, BOD_5, SS, COD, Amoni (tính theo N), Coliforms. Được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.7 Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải từ HTXL khí thải

TT	Thông số	Nước thải sau xử lý							
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6	Lần 7	C_{t2}
1	SS	25	25	28	29	32	31	34	29,14
2	COD	44	45	44	45	46	44	41	44,14
3	BOD_5	19	21	26	21	27	19	25	22,57
4	NH_4^+-N	0,072	0,072	0,084	0,076	0,072	0,063	0,086	0,08

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Bảng 2.8 Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải từ HTXL khí thải

STT	Thông số	C_t mg/l	Q_t m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{t2} (kg/ngày)
1	SS	29,14	0,0000463	86,4	0,11656932
2	BOD_5	22,57	0,0000463	86,4	0,09028722
3	COD	44,14	0,0000463	86,4	0,17657412
4	NH_4^+-N	0,08	0,0000463	86,4	0,09028722

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

➢ Tổng tải lượng các thông số ô nhiễm có trong các nguồn nước thải xả thải vào sông Càng Long (L_t) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.9 Bảng tổng tải lượng các thông số ô nhiễm xả thải vào sông Càng Long

STT	Thông số	L_{t1} (kg/ngày)	L_{t2} (kg/ngày)	$L_t = L_{t1} + L_{t2} + L_{t3}$ (kg/ngày)
1	COD	-	0,17657412	0,176574
2	BOD_5	0,10992796	0,09028722	0,200215

STT	Thông số	L_{t1} (kg/ngày)	L_{t2} (kg/ngày)	$L_t = L_{t1} + L_{t2} + L_{t3}$ (kg/ngày)
3	NH_4^+-N	0,01781886	0,09028722	0,108106
4	NO_3^--N	-	-	-
5	PO_4^{3-}-P	0,01151926	-	0,011519
6	TSS	0,13818616	0,11656932	0,254755

(Nguồn: đơn vị tư vấn tổng hợp)

Như vậy, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Càng Long được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.10 Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Càng Long

STT	Thông số	L_{td}	L_{nn}	L_t	Fs	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_t) \times Fs$	
						Fs = 0,3	Fs = 0,7
1	COD	23.328	24.883,20	0,176574	0,3 – 0,7	-466,612972	-1088,7636
2	BOD_5	9.331.2	4.510,08	0,200215	0,3 – 0,7	1446,275936	3374,64385
3	NH_4^+-N	466,56	264,384	0,108106	0,3 – 0,7	60,6203682	141,4475258
4	NO_3^--N	7.776	534,99	0	0,3 – 0,7	2172,303	5068,707
5	PO_4^{3-}-P	311,04	194,4	0,011519	0,3 – 0,7	34,9885443	81,6399367
6	TSS	46.656	55.831,68	0,254755	0,3 – 0,7	-2752,78043	-6423,15433

(Nguồn: đơn vị tư vấn tổng hợp)

Căn cứ vào giá trị L_{tn} cho thấy nguồn tiếp nhận có khả năng tiếp nhận 04/06 thông số được đánh giá. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại thời diểm đánh giá còn khá tốt, chỉ bị nhiễm nhẹ các chỉ tiêu COD và TSS.

=> Qua đánh giá và nhận định nêu trên cho thấy, nguồn nước tiếp nhận có đủ khả năng tiếp nhận nguồn nước thải sinh hoạt sau xử lý của Cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT (loại B, hệ số K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt và nước thải sau xử lý của HTXL nước thải từ HTXL khí thải của Cơ sở đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, hệ số $K_q = 1$, $K_f = 1,2$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

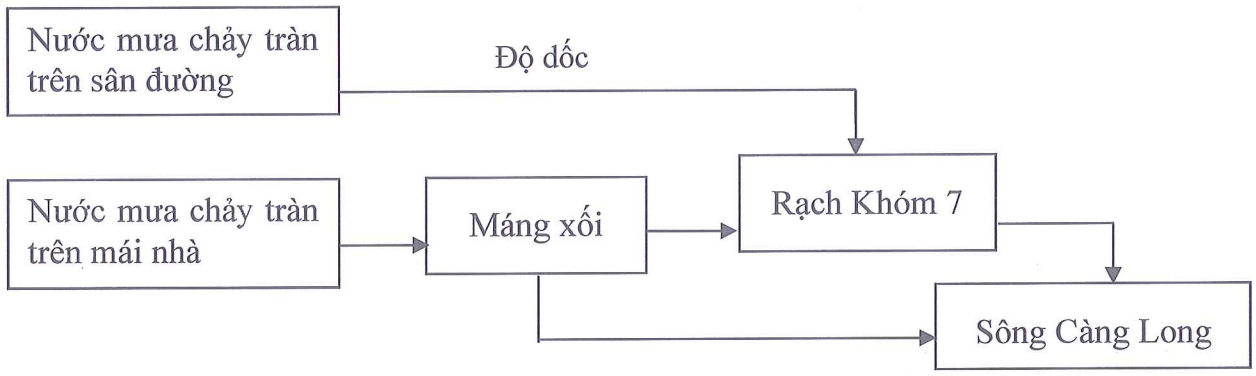
CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- *Hệ thống thu gom, thoát nước mưa khu vực nhà máy lau bóng*

Hình thức thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy lau bóng gạo đang áp dụng được mô tả như sau:



Hình 3.1: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy lau bóng gạo

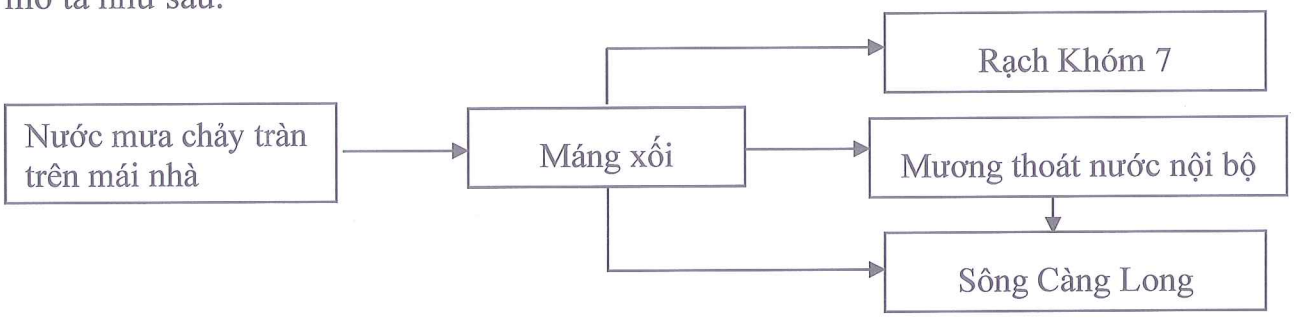
Thuyết minh quy trình

Nước mưa chảy tràn trên mái công trình (nhà máy lau bóng, văn phòng làm việc) được thu gom bằng máng xối bố trí dọc theo công trình. Từ máng xối được bố trí ống thoát nước mưa ra nguồn tiếp nhận, tại mặt tiếp giáp sông Càng Long sẽ thoát nước ra sông Càng Long, mặt tiếp giáp với đường dal được bố trí ống nhựa uPVC đặt ngầm dưới đất và thoát ra Rạch khóm 7, đoạn tiếp giáp đường dal.

Nước mưa chảy tràn trên sân đường theo độ dốc mặt đường là 0,2 – 0,5% thoát trực tiếp vào Rạch Khóm 7 tiếp giáp nhà máy, nước từ rạch khóm 7 chảy ra sông Càng Long.

- *Hệ thống thu gom, thoát nước mưa khu vực nhà máy sấy và xay xát*

Hình thức thu gom và thoát nước mưa chảy tràn mà dự án đang áp dụng được mô tả như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại nhà máy sấy và xay xát

Thuyết minh quy trình

Nước mưa chảy tràn trên mái công trình được thu gom bằng máng xối bố trí dọc theo công trình. Từ máng xối được bố trí ống thoát nước mưa bằng nhựa uPVC và thoát ra nguồn tiếp nhận, tại mặt tiếp giáp sông Càng Long sẽ thoát nước ra sông Càng Long, mặt còn lại được thoát ra Rạch Khóm 7, một đoạn cuối tại nhà máy với chiều dài khoảng 40m được máng xối thu gom và dẫn về mương thoát nước nội bộ.

Thông số chính của mạng lưới thu gom và thoát nước mưa tại dự án:

- Máng xối được lắp đặt tại nhà máy có chất liệu tole kẽm, kích thước lòng máng: rộng x sâu : 400mm x 500mm.

- Máng xối được bố trí dọc theo mái nhà xưởng, trên suốt chiều dài máng xối được lắp ống thoát nước mưa bằng nhựa uPVC Ø114, khoảng cách giữa mỗi ống là 8,8m, chiều cao từ máng xối đến mặt đất là 13m. Tổng số ống thoát nước mưa là 40 ống được bố trí cặp vách nhà xưởng và theo dọc chiều dài nhà xưởng, cụ thể như sau:

+ Nhà máy lau bóng gạo: được bố trí lắp đặt 20 ống thoát nước, bao gồm 10 ống thoát nước được lắp đặt bên mặt tiếp giáp sông Càng Long, 10 ống thoát nước được lắp đặt bên mặt còn lại, tiếp giáp với đường dal và 1 đoạn rạch khóm 7;

+ Nhà máy sấy và xay xát: được bố trí lắp đặt 20 ống thoát nước, bao gồm 10 ống thoát nước được lắp đặt bên mặt tiếp giáp sông Càng Long, 10 ống thoát nước được lắp bên mặt tiếp giáp với Rạch Khóm 7 và đường dal. Tại đoạn cuối của nhà máy nước mưa từ máng xối được thu gom và dẫn về mương thoát nước nội bộ.

Mương thoát nước nội bộ tiếp giáp với nhà máy sấy và xay xát. Kích thước mương: dài x rộng: 40m x 1,5m. Nước từ mương thoát nước nội bộ thoát ra sông Càng Long.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt

Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải của cơ sở được mô tả như sau:

- Hầm tự hoại: số lượng 02 hầm. Khu vực bố trí: Khu văn phòng (Thể tích 2,64m^3), Khu vực lau bóng (Thể tích 2,88m^3).

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

  + Công suất xử lý: 4,5 m^3/ngày.đêm

  + Các công đoạn xử lý: Hố thu, cột lọc, khử trùng

  + Công nghệ xử lý: vật lý, hóa học

- Vị trí xả nước thải: Hệ tọa độ VN-2000 (X=1103690, Y=576932)

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: sông Càng Long

- Quy trình thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt (sau hầm tự hoại) → hố thu gom → cột lọc → khử trùng → nguồn tiếp nhận (sông Càng Long).

Lưu lượng nước thải phát sinh, phương án thu gom, xử lý và thoát nước

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án từ các nguồn sau: sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án và sinh hoạt của các khách hàng đến liên hệ làm việc. Căn cứ theo hóa đơn giá trị gia tăng tiền nước tại dự án thì trung bình mỗi tháng sử dụng khoảng 144 m^3/tháng, trong đó lượng nước sử dụng phục vụ sinh hoạt ước tính khoảng 48 m^3/tháng (khoảng 2,0 m^3/ngày).

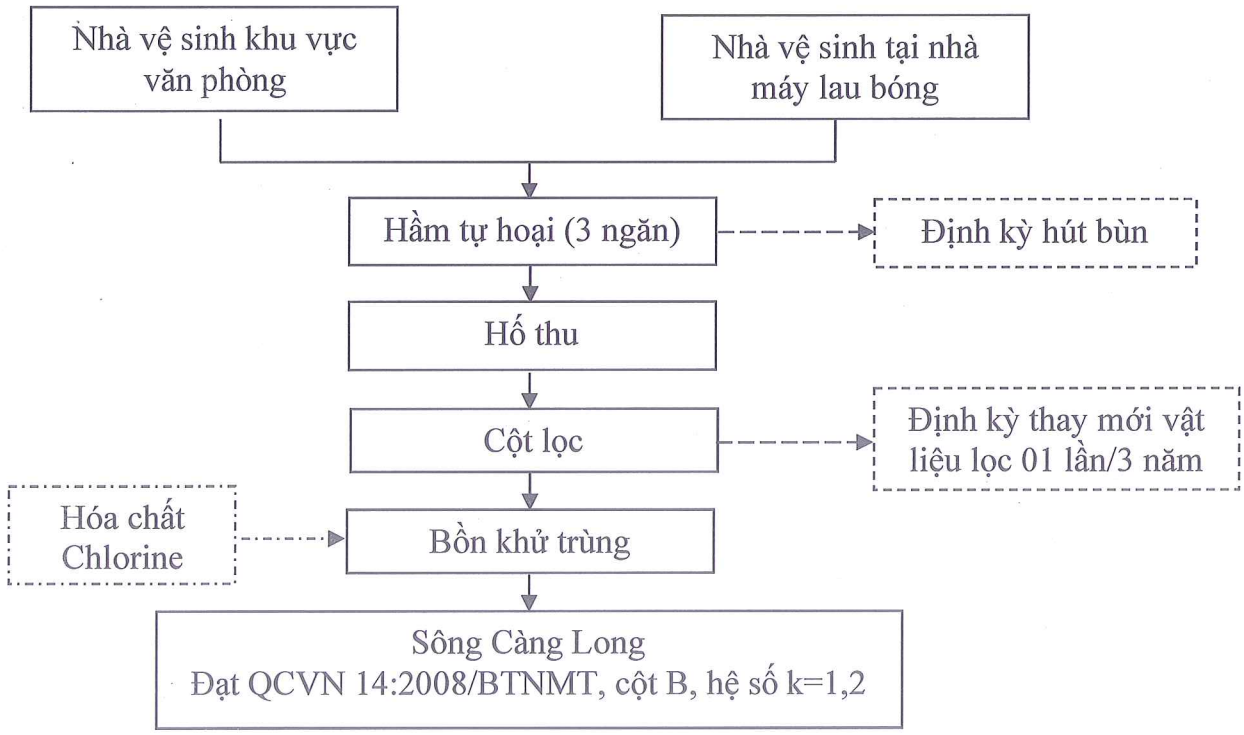
- Tại dự án đã xây dựng hai dãy nhà vệ sinh tại các khu vực: khu vực văn phòng, khu vực nhà máy lau bóng (công nhân tại nhà máy sấy và xay xát sử dụng chung nhà vệ sinh tại khu vực nhà máy lau bóng).

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại bên dưới các nhà vệ sinh.

- Nước thải từ hầm tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý tập trung để xử lý theo đúng quy định trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Càng Long.

- Quy trình thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt:

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải sinh hoạt:



Hình 3.3: Sơ đồ thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt tại dự án

Thuyết minh quy trình

Nước thải từ các nhà vệ sinh được đưa về hầm tự hoại để xử lý. Nước thải khi đi vào hầm sẽ qua lần lượt các ngăn: ngăn chứa phân – ngăn lắng – ngăn lọc. Vai trò của hầm tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ có trong nước thải, sau khi qua ngăn lọc thì các cặn lơ lửng khó lắng và mùi hôi sẽ được vật liệu lọc giữ lại (cát, đá, sỏi, than hoạt tính).

Nước thải sau khi qua hầm tự hoại tự chảy về hố thu. Hố thu là công trình trung gian mà tại đó nước thải sẽ được máy bơm đưa qua cột lọc để xử lý tiếp tục. Hố thu gom được xây ngầm dưới đất.

Cột lọc xử lý nước thải có cấu tạo bằng nhựa composite, bên trong cột lọc là các loại vật liệu lọc như: cát lọc, sỏi lọc chuyên dụng, than hoạt tính. Các chất rắn lơ lửng còn sót lại trong nước thải sẽ bị vật liệu lọc giữ lại, mùi hôi sẽ được hấp phụ qua lớp than hoạt tính có trong cột lọc. Nước thải sau khi qua cột lọc tiếp tục chảy vào bồn khử trùng đặt ngầm dưới đất.

Bồn khử trùng có cấu tạo là bồn nhựa và là hạng mục xử lý cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại dự án, nhiệm vụ chính là tiêu diệt các vi sinh vật có hại còn sót lại trong nước thải trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận. Hóa chất khử trùng được sử dụng là Chlorine được máy bơm định lượng bơm vào bồn, nước thải sau thời gian tiếp xúc trong bồn sẽ thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Càng Long.

Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được dẫn về hầm tự hoại để xử lý (hầm tự hoại được bố trí bên dưới mỗi nhà vệ sinh). Nước thải sau hầm tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý bằng đường ống nhựa uPVC ∅114 được chôn ngầm dưới đất.

- Khoảng cách từ hầm tự hoại khu vực văn phòng đến hố ga thu gom nước thải là 30m và khoảng cách từ hầm tự hoại khu vực nhà máy lau bóng đến hố thu là 20m.

- Sau khi qua hệ thống xử lý, nước thải từ bồn khử trùng thoát ra nguồn tiếp nhận bằng đường ống nhựa uPVC ∅114. Chiều dài ống thoát nước 6m, đặt ngầm dưới đất, độ dốc 2%.

Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Bảng 3.1: Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Stt	Tên hạng mục	Số lượng	Kết cấu/Vật liệu	Thông số kỹ thuật
1	Hầm tự hoại	02	Bê tông	2,88 m^3 (1)
				2,64 m^3 (2)
2	Hố thu	01	Bê tông	2,5 m^3
3	Cột lọc	01	Composite	∅300*1.320mm
4	Bồn khử trùng	03	Nhựa	300 lít/ bồn
5	Bồn pha hóa chất	01	Nhựa	300 lít
6	Bơm nước thải chìm	01	-	1 Hp
7	Bơm định lượng hóa chất	01	-	250 W
8	Máy sục khí pha hoá chất	01	-	65 W

(Nguồn: Chi nhánh Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài, 2021)

- *Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư*

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư

+ Công suất xử lý: 4 m^3/ngày.đêm

+ Các công đoạn xử lý: ngăn lắng 1, ngăn lắng 2, ngăn lắng 3.

+ Thông số cơ bản:

✓ Ngăn lắng: 03 ngăn, cấu tạo bằng bê tông, có kích thước ∅1.800*2.200mm, thể tích 5,6 m^3/ngăn.

✓ Mương lắng: Cơ sở đã bổ sung xây dựng đê bao tại mương dẫn để tăng độ lắng (chiều dài đoạn mương 40m), sau đó thoát ra mương thoát nước nội bộ qua đường ống nhựa đường kính 60mm.

+ Công nghệ xử lý: vật lý.

- Vị trí xả nước thải: Hệ tọa độ VN-2000 (X=1104112, Y=577012)
- Phương thức xả thải: tự chảy
- Nguồn tiếp nhận: sông Càng Long
- Quy trình thu gom, xử lý và thoát nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư: Nước thải từ HTXL khí thải (sau ngăn xử lý ướt) → theo đường ống → ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2 → ngăn lắng 3 → mương lắng (40m) → mương thoát nước nội bộ → nguồn tiếp nhận (sông Càng Long).

Lưu lượng nước thải phát sinh, phương án thu gom, xử lý và thoát nước

- Căn cứ theo lượng nước sử dụng phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư thì trung bình mỗi ngày cần sử dụng khoảng 4,0 m^3 nước thải. Lượng nước này được máy bơm bơm trực tiếp từ Rạch khóm 7 lên buồng xử lý ướt để xử lý.

- Nước thải của hệ thống xử lý khí thải (sau ngăn xử lý ướt) theo đường ống tự chảy qua các bể lắng đặt nối tiếp nhau.

Sau khi qua các bể lắng thì nước thải tiếp tục chảy về mương thoát nước nội bộ. Mương thoát nước nội bộ được đắp đập ngăn lại tiếp tục để lắng chất cặn còn sót lại trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Càng Long.

Thuyết minh quy trình

Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải (sau ngăn xử lý ướt) theo đường ống tự chảy về ngăn lắng đặt nối tiếp nhau. Do trong nước thải chứa nhiều cặn, tro nên quá trình xử lý nước thải được áp dụng là quá trình lắng, các ngăn lắng 1, ngăn lắng 2, ngăn lắng 3 có cấu tạo bằng BTCT, kích thước giống nhau (đường kính x chiều cao: 1,8m x 2,2m). Các chất cặn, tro trong nước thải sau thời gian sẽ bị trọng lực kéo xuống lắng tại phần đáy của các ngăn lắng, phần nước trong sẽ theo ống dẫn đưa về mương thoát nước nội bộ để xử lý tiếp tục. Một phần cặn lắng kết thành mảng nổi trên mặt nước được công nhân thường xuyên thu gom, không để chảy về các công trình phía sau. Nước thải từ ngăn lắng 3 được thoát ra mương thoát nước nội bộ nằm

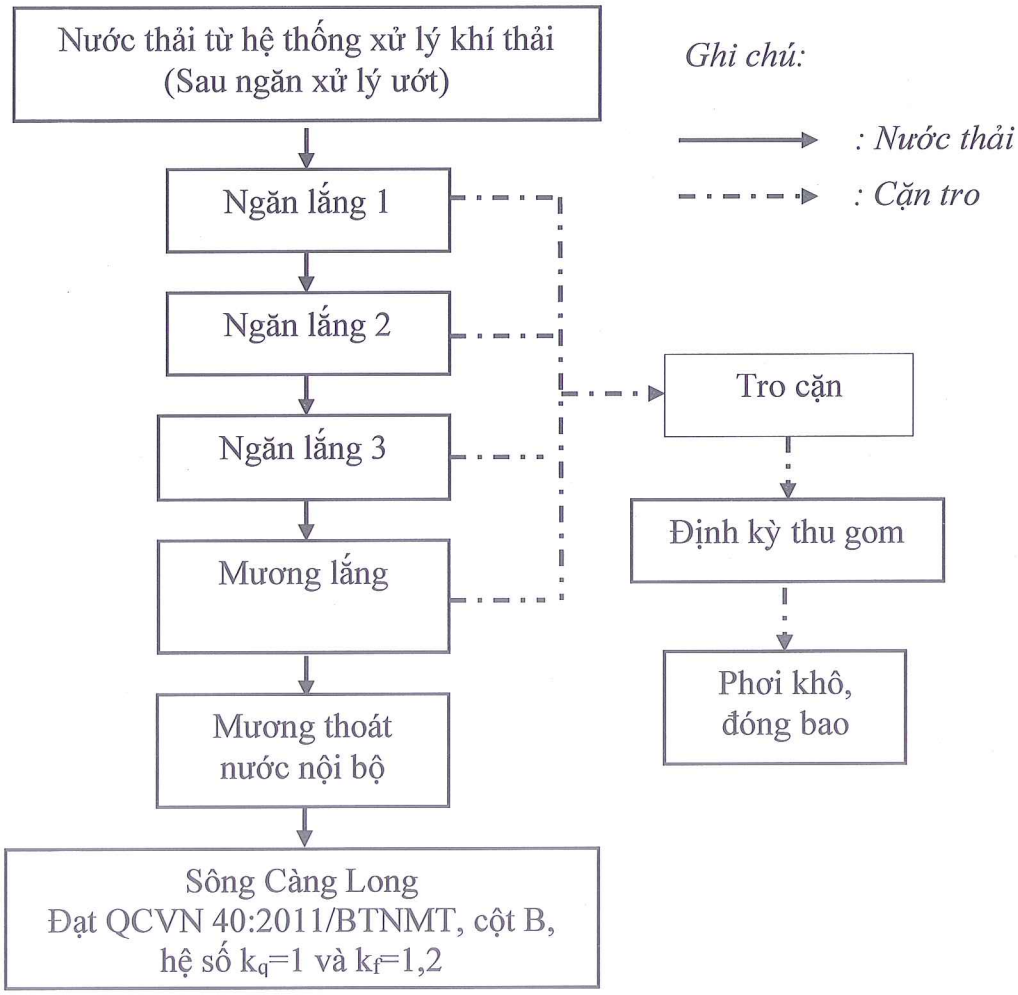
tiếp giáp dự án, do chủ dự án thiết kế nhằm để xử lý phần cặn, tro có thể còn sót lại sau khi qua các ngăn lắng, đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải từ ngăn xử lý ướt theo đường ống nhựa uPVC Ø114 dài 5m đưa về các bể lắng đặt nối tiếp nhau. Các bể lắng được nối với nhau bằng ống nhựa uPVC Ø114 dài 0,5m. Nước thải từ bể lắng số 03 dẫn về mương lắng (dài 40m) tiếp giáp dự án bằng ống nhựa uPVC Ø114 dài 0,5m.

- Mương lắng: Cơ sở đã bổ sung xây dựng đê bao tại mương dẫn để tăng độ lắng (chiều dài đoạn mương 40m), sau đó thoát ra mương thoát nước nội bộ qua đường ống nhựa đường kính 60mm.

- Mương thoát nước nội bộ phía sau dự án sẽ thoát ra sông Càng Long bằng hình thức thoát nước tự nhiên.

Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải



Hình 3.4: Sơ đồ thu gom và thoát nước của hệ thống xử lý nước thải từ hệ thống xử lý khí thải

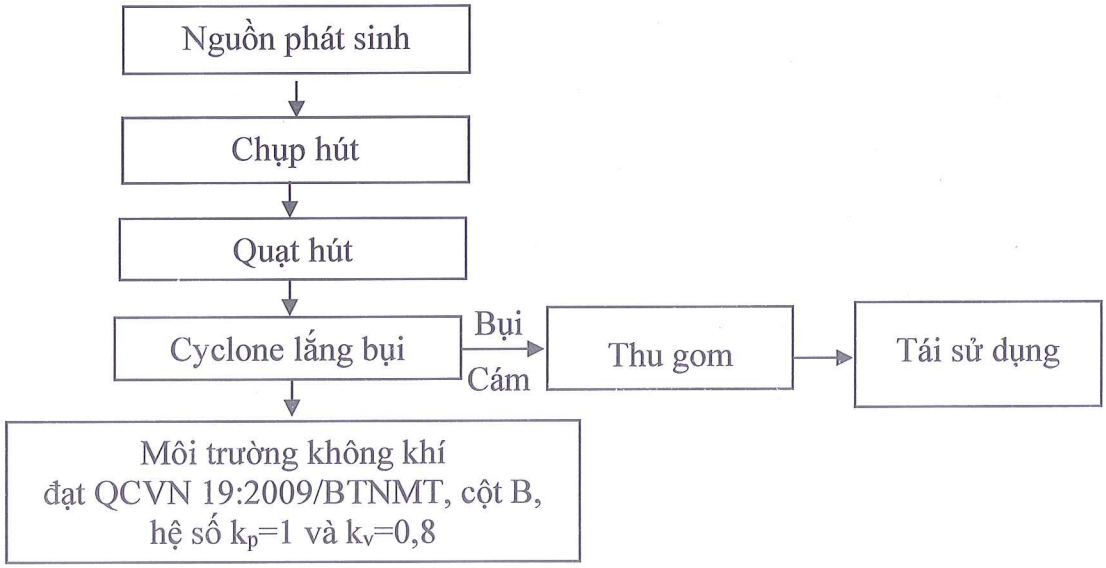
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các công trình xử lý bụi, được lắp đặt đồng bộ, hợp khối cùng với dây chuyền sản xuất. Đối với công trình xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư của lò sấy được xây dựng đồng bộ, hợp khối cùng với lò sấy. Cụ thể từng công trình như sau:

- *Hệ thống xử lý bụi*

Đối với nhà máy lau bóng gạo

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi:
  + Công suất xử lý: Công suất thiết kế của quạt hút là 15 Hp (tương đương với lưu lượng gió là 15.000 m^3/giờ).
  + Các công đoạn xử lý: chụp hút (quạt hút), cyclone lắng bụi, thu gom.
  + Số lượng: 09 bộ.
  + Vị trí lắp đặt: Công đoạn tách và nạp liệu, công đoạn xát trắng, công đoạn tách tạp chất 2 và nạp liệu vào hộc chứa, công đoạn lau bóng gạo, công đoạn sấy – làm nguội.
  + Công nghệ xử lý: công nghệ lắng bụi bằng cyclone.
- Quy trình thu gom, xử lý bụi:



Hình 3.5: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi từ công đoạn lau bóng

Thuyết minh quy trình vận hành

Tại các vị trí phát sinh bụi: vị trí nạp liệu, tách tạp chất 1, 2, xát trắng, lau bóng, sấy – làm nguội đều được lắp đặt chụp hút để thu hồi bụi phát sinh. Lượng bụi phát sinh sẽ được quạt hút thông qua chụp hút và đường ống đưa về cyclone để lắng bụi.

Hạt bụi trong dòng khí sẽ bị cuốn vào chuyển động xoáy, lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone. Đồng thời, hạt bụi chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược hướng với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclone, khi va chạm với thành vỏ sẽ

mất động năng và rơi xuống phễu thu. Không khí sạch sẽ thoát ra môi trường bên ngoài.

Đối với nhà máy sấy và xay xát

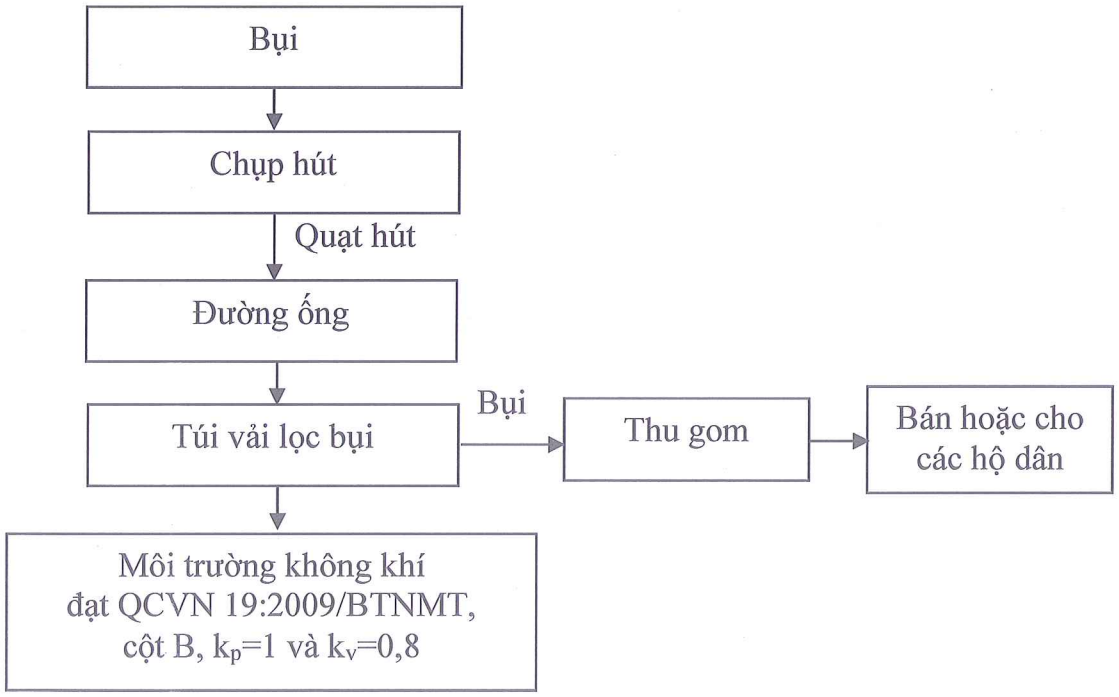
❖ Thu gom, xử lý bụi từ công đoạn nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi bằng túi vải của công đoạn nhập liệu và sàn tách tạp chất:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 15Hp (tương đương với lưu lượng gió là 15.000 m^3/giờ).
+ Các công đoạn xử lý: chụp hút (quạt hút), túi vải lọc bụi, thu gom.
+ Túi vải lọc bụi: 16 túi.
+ Chụp hút + đường ống dẫn: 01 bộ.
+ Quạt hút: 01 cái.

- Công nghệ xử lý: công nghệ lọc bụi bằng túi vải.
- Quy trình thu gom, xử lý bụi:

Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi



Hình 3.6: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi của hoạt động nhập nguyên liệu và sàng tách tạp chất

Thuyết minh quy trình

Bụi phát sinh từ công đoạn nhập lúa nguyên liệu từ ghe, tàu, sà lan và từ công đoạn sàng tách tạp chất được chụp hút và quạt hút thông qua đường ống để dẫn về các túi vải để lọc bụi.

Lượng bụi có trong dòng khí sẽ được giữ lại trong túi vải, không khí sạch sẽ thoát ra môi trường xung quanh qua các lỗ thoát khí trên bề mặt túi vải.

Bụi sau mỗi đợt vệ sinh túi vải (rác thải thông thường) sẽ được công nhân thu gom vào thùng chứa rác và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

❖ Thu gom, xử lý bụi của hoạt động xay

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi bằng túi vải của hoạt động xay:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 15Hp (tương đương với lưu lượng gió là 15.000 m^3/giờ).

+ Các công đoạn xử lý: chụp hút (quạt hút), túi vải lọc bụi, thu gom.

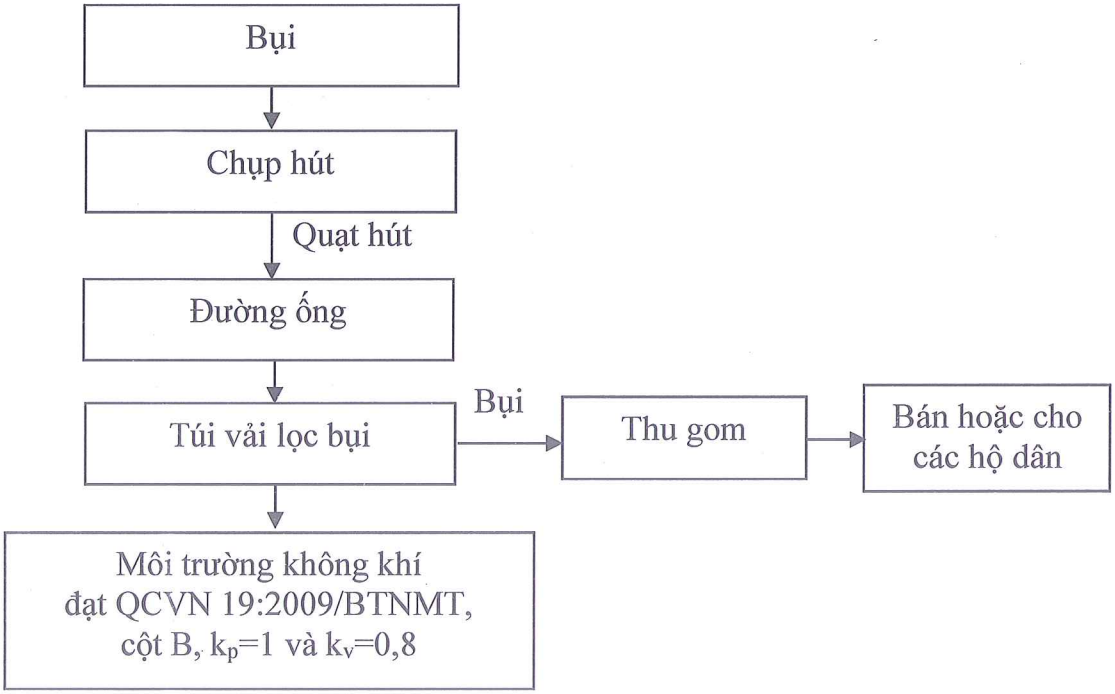
+ Túi vải lọc bụi: 31 túi.

+ Chụp hút + đường ống dẫn: 01 bộ.

+ Quạt hút: 01 cái.

- Công nghệ xử lý: công nghệ lọc bụi bằng túi vải.
- Quy trình thu gom, xử lý bụi:

Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi



Hình 3.7: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi của hoạt động xay

Thuyết minh quy trình

Bụi phát sinh từ công đoạn nhập lúa nguyên liệu từ ghe, tàu, sà lan và từ công đoạn sàng tách tạp chất được chụp hút và quạt hút thông qua đường ống để dẫn về các túi vải để lọc bụi.

Lượng bụi có trong dòng khí sẽ được giữ lại trong túi vải, không khí sạch sẽ thoát ra môi trường xung quanh qua các lỗ thoát khí trên bề mặt túi vải.

Bụi sau mỗi đợt vệ sinh túi vải (rác thải thông thường) sẽ được công nhân thu gom vào thùng chứa rác và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 20 Hp (tương đương với lưu lượng gió là 20.000 m^3/giờ).

+ Các công đoạn xử lý: quạt hút, xử lý khô 1, xử lý khô 2, xử lý ướt, ống khói cao 10m.

+ Hệ thống ống dẫn bụi, khí thải, nhiệt dư: 01 hệ thống.

+ Quạt hút: 04 cái.

- Buồng xử lý có kích thước dài x rộng x cao: 13,5m x 9,0m x 10m, được xây dựng bằng gạch, cột đà BTCT, nền bê tông. Trong đó, cấu tạo các ngăn như sau:

+ Ngăn xử lý khô 1: có kích thước 7,0m x 9,0m nối với ngăn xử lý khô 02 bằng vách ngăn hở phần trên có kích thước 2,0m x 9,0m và hở phần dưới có kích thước 1,7m x 9,0m.

+ Ngăn xử lý khô 2: có kích thước 4,0m x 9,0m, nối với ngăn xử lý ướt bằng vách ngăn hở phần dưới có kích thước 1,7m x 9,0m.

+ Ngăn xử lý ướt: có kết cấu hình thang (cạnh dài x cạnh ngắn x chiều rộng x chiều cao: 9,0m x 5,0m x 2,5m x 14,5m). Bên trong được bố trí dàn phun sương để xử lý bụi, tro và nhiệt dư.

+ Ống khói: được lắp đặt đúng bằng kích thước của ngăn xử lý ướt và có kết cấu bằng khung sắt, vách gạch, chiều cao 20m.

- Công nghệ xử lý: Công trình xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư phát sinh từ công đoạn sấy lúa sử dụng công nghệ xử lý bụi, khí thải lắng lọc bụi khô kết hợp xử lý ướt bằng hình thức phun sương.

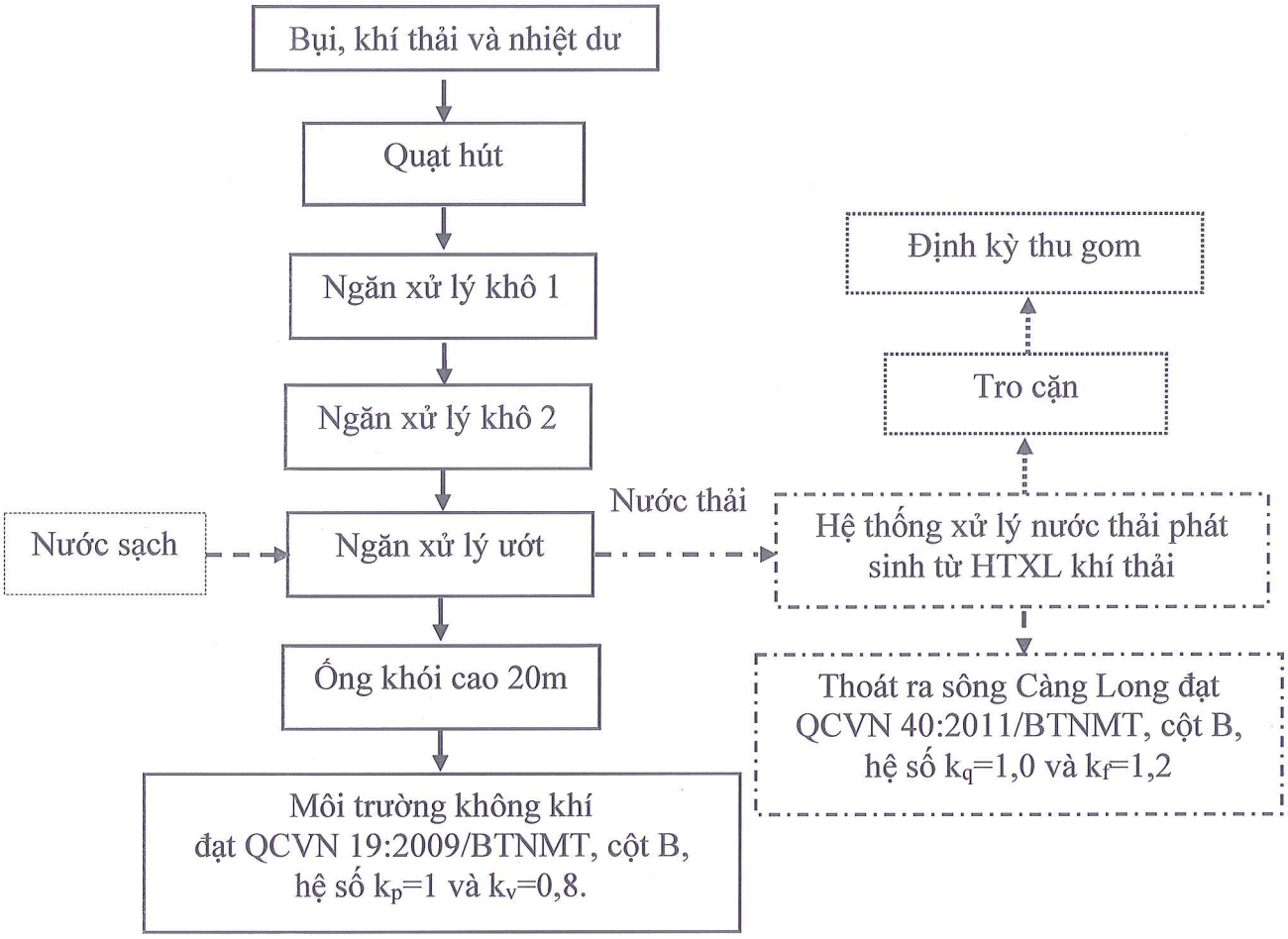
Thuyết minh quy trình

Bụi, khí thải và nhiệt dư từ 4 lò sấy theo các đường ống dẫn thông qua quạt hút đưa về các ngăn xử lý. Các ngăn xử lý bao gồm 02 ngăn xử lý khô và 01 ngăn xử lý ướt được bố trí nối tiếp nhau hợp khối thành tổ hợp buồng xử lý.

Dòng khí thải đi vào ngăn xử lý khô 1 bằng quạt hút thông qua hệ thống đường ống dẫn khí, từ ngăn xử lý khô 1 thông qua ngăn xử lý khô 2 bằng khoảng trống giữa vách ngăn, vách ngăn giữa 02 ngăn được bố trí 02 khoảng trống với kích thước lần lượt là (2,0m x 9,0m) và (1,7m x 9,0m). Quá trình xử lý tại 02 ngăn này là quá trình xử lý bụi khô, các hạt bụi theo quán tính va đập vào thành vách ngăn bên trong ngăn thứ nhất, ngăn thứ hai và va chạm lẫn nhau sẽ bị trọng lực giữ lại bên trong mỗi ngăn. Dòng khí thải sau xử lý tiếp tục qua ngăn xử lý ướt đặt nối tiếp.

- Dòng khí thải bên trong ngăn xử lý ướt sẽ tiếp xúc với các hạt sương được phun bên trong ngăn, các hạt bụi trong dòng khí thải sẽ va chạm với thành vách ngăn, va chạm lẫn nhau và va chạm với các hạt sương sẽ bị trọng lực giữ lại, bên cạnh đó,

nhiệt dư từ quá trình sấy lúa cũng được các hạt sương trong ngăn làm giảm thiểu lại, dòng không khí sạch thoát ra môi trường qua đường ống khói cao 20m.



Hình 3.8: Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư của công đoạn sấy lúa

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

- Thùng chứa CTRSH: số lượng 02 thùng, loại 125 lít. (Nhà máy lau bóng 01 thùng, nhà máy sấy và xay xát 01 thùng).

- Định kỳ cuối mỗi ngày làm việc sẽ được Công ty TNHH Xây dựng Sơn Trung Thành thu gom và xử lý.

- *Công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường*

Các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn sản xuất đang được áp dụng được mô tả như sau:

- Bao bì hư hỏng phát sinh khoảng 100 kg/năm. Biện pháp xử lý bán phế liệu;

- Bùn tro, tro bụi được thu gom giao cho các hộ dân xung quanh san lấp mương vườn và làm phân hữu cơ.

- Tro trấu được thu gom đóng bao bán cho nông dân trồng cây, hoa màu.

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở bao gồm: bóng đèn hư hại, giẻ lau dính dầu nhớt,… cơ sở thực hiện lưu giữ như sau:

- Xây dựng kho chứa CTNH diện tích 4m^2, nền bê tông, mái tol.
- Bố trí 02 thùng chứa loại 125 lít.
  + 01 thùng chứa bóng đèn huỳnh quang;
  + 01 thìng chứa giẻ lau dính dầu nhớt thải.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong hoạt động của cơ sở, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động sản xuất và hoạt động của phương tiện vận chuyển. Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn tại cơ sở áp dụng một số giải pháp sau:

- *Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển:*

+ Các phương tiện đường thủy (ghe, tàu) và các phương tiện đường bộ (xe ô tô, xe máy) đều được chủ dự án nhắc nhở tắt máy phương tiện khi đến làm việc tại dự án;

+ Xe máy của khách hàng, công nhân viên được bố trí đậu tại khu vực nhà xe của dự án.

- *Giải pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất:*

+ Máy móc, thiết bị sản xuất được bố trí khoảng cách hợp lý trong nhà xưởng để giảm thiểu sự cộng hưởng về tiếng ồn và độ rung khi hoạt động đồng thời;

+ Máy móc, thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, tra dầu nhớt để tăng độ bôi trơn, giúp máy móc thiết bị giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động;

+ Hạn chế công nhân ra vào các khu vực phát sinh tiếng ồn cao (khu vực lao bóng gạo, khu vực chuyền xay xát) do các khu vực này đều được thực hiện theo hình thức bán tự động;

+ Công nhân thực hiện kiểm tra chất lượng nguyên liệu và sản phẩm được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động (khẩu trang, nút tai chống ồn) khi thực hiện và tiến hành di chuyển ra các khu vực khác khi hoàn thành công việc;

+ Công nhân sản xuất được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động;

- Tiếng ồn, độ rung tại cơ sở đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của:
  - QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
  - QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- *Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ*

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ đang được áp dụng tại cơ sở được mô tả như sau:

- Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài đã được phê duyệt phương án PCCC;
- Xung quanh khu vực sản xuất đã được lắp đặt hệ thống đường ống PCCC theo đúng quy định;
- Trang bị đầy đủ số lượng thiết bị PCCC cơ bản tại các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cao;
- Các thiết bị, máy móc sản xuất được sắp xếp hợp lý, gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn và đảm bảo khả năng di chuyển nhanh của công nhân khi xảy ra sự cố;
- Trong suốt quá trình thực hiện xả tro từ lò sấy lúa đảm bảo hạn chế công nhân di chuyển ra vào khu vực này, khu vực bố trí phuy chứa tro để giảm nhiệt trước khi đóng bao được bố trí riêng biệt, không nằm cạnh khu vực kho chứa hoặc các vật liệu dễ cháy nhằm phòng ngừa khả năng xảy ra cháy nổ;
- Hệ thống điện được lắp đặt hợp lý, dây điện được đi trong ống nhựa;
- Nghiêm cấm hút thuốc bên trong khuôn viên nhà xưởng, kho chứa. Khi phát hiện sai phạm sẽ có hình thức kỷ luật theo đúng nội quy công ty.

Phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ sông

Tại nhà máy đã xây dựng bờ kè chắc chắn bằng BTCT với tổng chiều dài 182,1m, trong đó chiều dài bờ kè tại khu vực Nhà máy lau bóng là 98,4m, chiều dài bờ kè tại khu vực Nhà máy sấy và xay xát là 83,7m.

CHƯƠNG IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Trong quá trình vận hành dự án, nước thải phát sinh gồm nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư.

  + Nguồn nước thải sinh hoạt: phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của nhân viên, công nhân, khách hàng. Lưu lượng phát sinh tối đa 4,5m^3/ngày, lưu lượng phát sinh trung bình 2m^3/ngày.

  + Nguồn nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư: phát sinh trong quá trình vận hành lò sấy, cơ sở dùng nước mặt sông Càng Long để phun sương xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư. Lưu lượng phát sinh 4m^3/ngày.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 8,5m^3/ngày.đêm (Trong đó: nước thải sinh hoạt 4,5m^3/ngày.đêm, nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư là 4m^3/ngày.đêm).

- Dòng nước thải: 02.

  + Nước thải sinh hoạt sau xử lý của cơ sở thải ra nguồn tiếp nhận là sông Càng Long.

  + Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư sau xử lý của cơ sở thải ra mương thoát nước nội bộ của cơ sở sau đó thải vào nguồn tiếp nhận là sông Càng Long.

- Dựa theo tính chất nước thải của cơ sở và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải của cơ sở đề nghị cấp phép như sau:

Nguồn thải 01: nước thải sinh hoạt

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số k =1,2
1	pH	-	5 – 9
2	BOD_5	mgO_2/l	36
3	TSS	mg/l	60
4	Amoni (theo N)	mg/l	6
5	Nitrat (theo N)	mg/l	36
6	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	12

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số k =1,2
7	Tổng các chất HĐBM	mg/l	6
8	Phosphat (theo P)	mg/l	7,2
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
  + Vị trí xả nước thải: tọa độ X(m): 1103690, Y(m): 576932 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0), tại khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
  + Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tại cơ sở được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.
  + Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Càng Long.

- *Nguồn thải 02: nước thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư (nước thải công nghiệp)*

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải công nghiệp

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,2$
1	pH	-	6 – 9
2	BOD_5	mg/l	32,4
3	COD	mg/l	81
4	TSS	mg/l	54
5	Amoni (theo N)	mg/l	5,4
6	Coliforms	MPN/100ml	5.000

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
  + Vị trí xả nước thải: tọa độ X(m): 1104112, Y(m): 577012 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0), tại khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
  + Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tại cơ sở được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.
  + Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Càng Long.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: bụi, khí thải của cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất bao gồm:

  + Nguồn số 01: Khí thải từ lò sấy lúa qua hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư (đầu tư đồng bộ, hợp khối cùng với hệ thống lò sấy).

  + Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn hút lúa đưa vào dây chuyền sản xuất được thu gom bằng hệ thống lọc bụi túi vải (đầu tư đồng bộ cùng với dây chuyền sản xuất)

  + Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ dây chuyền lau bóng, sấy và xay xát được thu gom bằng quạt hút, cyclone thu bụi. Khí thải sau cyclone thu bụi được xả ra tại khu vực bên trong nhà xưởng sản xuất.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 15.000m^3/h.

- Dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03

- Dựa theo tính chất bụi, khí thải của cơ sở và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, môi trường lao động, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở đề nghị cấp phép như sau:

  - *Nguồn số 01:*

Bảng 4.3: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số $k_p = 1$, $k_v = 0,8$
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160
2	CO	mg/Nm^3	800
3	SO_2	mg/Nm^3	400
4	NO_x	mg/Nm^3	680

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

  + Vị trí xả thải: tọa độ X(m): 1104103, Y(m): 577001 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0$30, múi chiếu 3^0), tại khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

  + Phương thức xả khí thải: Xả liên tục qua quạt hút khí khi hoạt động.

  - *Nguồn số 02:*

Bảng 4.4: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải sau Hệ thống lọc bụi túi vải

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B hệ số $k_p = 1$, $k_v = 0,8$
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	160
2	CO	mg/Nm^3	800
3	SO_2	mg/Nm^3	400
4	NO_x	mg/Nm^3	680

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

+ Vị trí xả thải: tọa độ X(m): 1104071, Y(m): 576958 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0), tại khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

+ Phương thức xả khí thải: Xả liên tục qua quạt hút khí khi hoạt động.

- *Nguồn số 03:*

Bảng 4.5: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong môi trường lao động (sau cyclone thu bụi)

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
1	Bụi hô hấp	mg/m^3	-	4
2	SO_2	mg/m^3	5	-
3	NO_2	mg/m^3	5	-
4	CO	mg/m^3	20	-

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

+ Vị trí xả thải: tọa độ X(m): 1103670, Y(m): 576920 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục $105^0 30$, múi chiếu 3^0), tại khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

+ Phương thức xả khí thải: Xả liên tục qua quạt hút khí khi hoạt động.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: từ dây chuyền sản xuất (sấy, xay xát, lau bóng).

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: theo QCVN 24:2016/BYT giới hạn của tiếng ồn tại khu vực bên trong cơ sở là 85dBA và theo QCVN 27:2016/BYT giới hạn của gia tốc rung tại khu vực bên trong cơ sở là $1,4m/s^2$.

CHƯƠNG V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài thực hiện quan trắc chất thải tần suất 04 đợt/năm. Riêng đối với đợt II và đợt III năm 2021 không thực hiện quan trắc do đợt II/2021 rơi vào thời điểm dịch bệnh Covid -19 bùng phát, thực hiện CT15, CT16, nên kiểm soát chặt chẽ đi lại và hạn chế đi lại, tụ tập đông người, nên cơ sở không thực hiện quan trắc. Do đặc thù lịch sản xuất của cơ sở theo thời vụ, đợt III/2021 rơi vào thời điểm kết thúc vụ lúa, cơ sở không hoạt động. Tổng hợp kết quả quan trắc định kỳ 02 đợt năm 2021 tại cơ sở như sau:

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5.1: Tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN
			Đợt 01	Đợt 04	
Nước thải sinh hoạt sau HTXL					**QCVN14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2**
1	pH	-	6,19	6,52	5 – 9
2	TSS	mg/l	41,0	36	60
3	BOD_5	mgO_2/l	29,0	22	36
4	Amoni (NH_4^+)	mg/l	0,7	1,24	6
5	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	KPH	0,35	7,2
6	Tổng các chất HĐBM	mg/l	KPH	0,092	6
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	KPH	1,8	12
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	1.100	3.300	5.000
Nước thải sau HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư sau HTXL (nước thải công nghiệp)					**QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số k_q=1,0 và k_f=1,2**
1	pH	-	6,73	6,72	5,5 – 9
2	TSS	mg/l	26	97	120
3	BOD_5	mgO_2/l	19	58	60
4	COD	mgO_2/l	32	119	180
5	Amoni	mg/l	1,2	1,97	12
6	Coliform	MPN/100ml	2.200	4.500	5.000

(Nguồn: Báo cáo kết quả giám sát môi trường Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài đợt I và IV năm 2021)

Nhận thấy, nồng độ các chỉ tiêu quan trắc trong mẫu nước thải quý I đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2 và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, hệ số k_q=1,0 và k_f=1,2.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải

Bảng 5.2: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K_p=1,0, K_v=0,8
			Đợt 01	Đợt 04	
Khí thải sau xử lý của Hệ thống lọc bụi túi vải					
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	102,6	32	160
2	CO	mg/Nm^3	407,2	42,6	800
3	SO_2	mg/Nm^3	67,5	19,2	400
4	NO_x	mg/Nm^3	112,8	23,8	680
Khí thải sau HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư					
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	34,2	39	160
2	CO	mg/Nm^3	26,7	53,7	800
3	SO_2	mg/Nm^3	11,4	22,8	400
4	NO_x	mg/Nm^3	8,3	31,4	680

(Nguồn: Báo cáo kết quả giám sát môi trường Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài đợt I và IV năm 2021)

Nhận thấy, nồng độ các chỉ tiêu quan trắc trong mẫu khí thải đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K_p=1,0, K_v=0,8.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường lao động

Bảng 5.3: Tổng hợp kết quả quan trắc khí thải định kỳ năm 2021 tại cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
			KK1	KK2	KK3	
Đợt 1, ngày quan trắc 29/3/2021						
1	Tiếng ồn	dBA	84,9	83,7	83,8	85(1)
2	Gia tốc rung	m/s^2	0,0115	0,0153	0,0127	1,4(2)
3	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,06	0,08	0,07	4(3)
4	SO_2	mg/m^3	0,051	0,048	0,059	5
5	NO_2	mg/m^3	0,052	0,054	0,047	5
6	CO	mg/m^3	<6,0	<6,0	<6,0	20

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
			KK1	KK2	KK3	
Đợt 4, ngày quan trắc 13/12/2021						
1	Tiếng ồn	dBA	74	76	81	85(1)
2	Gia tốc rung	m/s^2	0,03	0,03	0,04	1,4(2)
3	Bụi hô hấp	mg/m^3	0,02	0,03	0,03	4(3)
4	SO_2	mg/m^3	0,022	0,019	0,026	5
5	NO_2	mg/m^3	0,075	0,079	0,084	5
6	CO	mg/m^3	0,038	0,030	0,042	20

(Nguồn: Báo cáo kết quả giám sát môi trường Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài đợt I và IV năm 2021)

Ghi chú:

- *QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;*
- *(1): QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;*
- *(2): QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung;*
- *(3): QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;*
- *KK_3: Mẫu không khí tại dây chuyền lau bóng gạo;*
- *KK_4: Mẫu không khí tại dây chuyền sấy lúa;*
- *KK_5: Mẫu không khí tại dây chuyền xay xát lúa.*

Nhận xét:

- Thông số âm học (tiếng ồn): 3/3 mẫu thấp hơn so với quy định tại QCVN 24:2016/BYT.
- Thông số rung động: 3/3 mẫu đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 27:2016/BYT.
- Thông số không khí khu vực sản xuất: 3/3 mẫu đều có các chỉ tiêu phân tích có giá trị thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

5.4. Kết quả vận hành thử nghiệm

5.4.1 Công trình xử lý nước thải

- *Công trình xử lý nước thải sinh hoạt*

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Kết quả xử lý nước thải sinh hoạt cho từng công đoạn

Bảng 5.4: Tổng hợp kết quả xử lý theo từng công đoạn của HTXL nước thải sinh hoạt

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Công đoạn xử lý hữu cơ								Công đoạn xử lý chất lơ lửng (TSS) (mg/L)		Công đoạn xử lý vi sinh (Coliform) (MPN/100ml)	
		BOD_5 (mg/L)		PO_4^{3-} (mg/L)		NH_4^+ (mg/L)		Dầu, mỡ ĐTV (mg/L)					
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Ngày 20/11/2021	4,5	94	57	5,13	4,05	13,6	12,6	3,6	2,7	110	48	7.900	2.100
Ngày 30/11/2021		90	53	5,11	4,12	12,2	11,7	3,3	2,3	115	45	7.000	2.600
Ngày 10/12/2021		93	53	6,24	4,62	13,5	12,5	4,2	3,2	118	62	7.000	3.300
Ngày 20/12/2021		86	48	5,97	3,75	12,3	11,37	3,4	4	113	65	6.300	3.500
Ngày 30/12/2021		95	55	6,02	5,45	11,7	12,3	3,4	3,7	110	47	6.300	2.400
QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số k=1,2		60		12		12		24		120		5.000	
Hiệu suất xử lý TB (%)		41,95		22,61		4,26		10,53		52,89		59,10	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Kết quả quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm cho thấy nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt đầu vào thấp, đa số đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số k=1,2 ngoại trừ BOD_5 và Coliform vượt so với giới hạn cho phép. Hiệu suất xử lý từng công đoạn xử lý hữu cơ không cao (đối với thông số Amoni, phosphat, dầu mỡ ĐTV, tuy nhiên các thông số này tiếp tục được xử lý ở các công đoạn xử lý chất lơ lửng, xử lý vi sinh. Do đó, đầu ra của nước thải sinh

hoạt, các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, hệ số k=1,2. Hiệu quả xử lý từng công đoạn đạt hiệu suất cao đối với các thông số BOD_5 (hiệu suất xử lý đạt 41,95%), TSS (hiệu suất xử lý đạt 52,89%) và Coliform (hiệu suất xử lý đạt 59,10%).

Kết quả xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn hệ thống

Bảng 5.5: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành thử nghiệm

Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Ngày 20/11/2021		Ngày 30/11/2021		Ngày 10/12/2021		Ngày 20/12/2021		Ngày 30/12/2021	
		Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
TSS	mg/L	110	29	115	32	118	34	113	30	110	37
BOD_5	mg/L	94	22	90	25	93	28	86	26	95	28
Amoni	mg/L	13,6	4,02	12,2	4,52	13,5	5,65	12,3	4,95	11,7	4,74
Phosphat	mg/L	5,13	2,05	5,11	2,51	6,24	3,42	5,97	2,82	6,02	2,86
Dầu mỡ động thực vật	mg/L	3,6	1,7	3,3	1,8	4,2	2,2	3,4	3,1	3,4	2,2
Coliform	MPN/100ml	7.900	2.100	7.000	2.600	7.000	3.300	6.300	1,8	6.300	2.400
Hiệu suất xử lý hệ thống (%)		67,82		61,09		57,48		60,76		57,68	
Hiệu suất trung bình (%)		60,97									

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

→ Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý giảm hơn so với nước thải đầu vào và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2. Hiệu suất xử lý trung bình của hệ thống xử lý nước thải đạt 60,97%.

+ Giai đoạn vận hành ổn định

Bảng 5.6: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành ổn định

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Thông số ô nhiễm							
		pH	TSS	BOD_5	NH_4^+	Phosphat	Dầu, mỡ ĐTV	CHĐBM	Coliform
Đầu vào Ngày 10/01/2022		6,15	**122**	**87**	**13,4**	5,75	3,2	1,24	**6.300**
Đầu ra									
Ngày 10/01/2022	**4,5**	6,96	34	27	4,85	2,95	1,9	0,85	2.600
Ngày 11/01/2022		7,65	32	25	4,45	2,68	1,85	0,79	2.700
Ngày 12/01/2022		6,96	32	27	4,2	2,84	2,35	0,82	2.400
Ngày 13/01/2022		7,5	30	25	3,95	2,75	2,15	0,83	2.400
Ngày 14/01/2022		7,55	30	24	3,65	2,03	2,4	0,78	2.800
Ngày 15/01/2022		7,03	29	22	3,14	2,63	2,05	0,69	2.100
Ngày 16/01/2022		7,41	28	21	3,47	2,03	2,85	0,86	2.000
QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2		5-9	60	36	12	7,2	12	6	3.000

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải sinh hoạt giai đoạn vận hành ổn định cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2.

- *Công trình xử lý nước thải từ hoạt động xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư*

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Bảng 5.7: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư giai đoạn vận hành thử nghiệm

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Thông số ô nhiễm									
		SS (mg/l)		COD (mg/l)		BOD_5 (mg/l)		NH_4^+		Coliform	
		Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
Ngày 20/11/2021	4	76	19	86	35	52	16	6,15	0,094	3.500	1.400
Ngày 30/11/2021		75	23	90	39	56	18	6,03	0,084	3.000	1.700
Ngày 10/12/2021		77	27	93	43	60	27	7,05	0,094	3.500	1.700
Ngày 20/12/2021		70	25	105	44	72	29	6,05	0,086	3.500	1.400
Ngày 30/12/2021		82	27	95	45	62	23	6,54	0,074	3.300	1.300
QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q=0,9 và K_f=1,2		**54**		**81**		**32,4**		**5,4**		**3.000**	
Hiệu suất xử lý hệ thống (%)		68,13		56,09		62,94		98,63		55,07	
Hiệu suất trung bình (%)		68,17									

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

→ Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý giảm hơn so với nước thải đầu vào và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,2. Hiệu suất xử lý trung bình của hệ thống xử lý nước thải đạt 68,17%.

+ Giai đoạn vận hành ổn định

Bảng 5.8: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư giai đoạn vận hành ổn định

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Thông số ô nhiễm hữu cơ					
		pH	SS	COD	BOD_5	NH_4^+	Coliform
Đầu vào Ngày 10/01/2022		6,75	**74**	**97**	**54**	**5,95**	**3.500**
Đầu ra							
Ngày 10/01/2022	4	6,8	25	44	19	0,072	1.300
Ngày 11/01/2022		6,8	25	45	21	0,072	1.400
Ngày 12/01/2022		6,65	28	44	26	0,084	2.100
Ngày 13/01/2022		6,75	29	45	21	0,067	2.100
Ngày 14/01/2022		7,12	32	46	27	0,072	2.100
Ngày 15/01/2022		6,95	31	44	19	0,063	2.400
Ngày 16/01/2022		7,35	34	41	25	0,086	1.700
QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, hệ số K_q=0,9 và K_f=1,2		6-9	54	81	32,4	5,4	3.000

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra của HTXL nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư giai đoạn vận hành ổn định cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9, Kf=1,2.

5.4.2 Công trình xử lý khí thải

- *Công trình xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư*

+ Giai đoạn vận hành thử nghiệm

Bảng 5.9: Tổng hợp kết quả xử lý của Hệ thống xử lý khí thải giai đoạn vận hành thử nghiệm

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Thông số ô nhiễm							
		Bụi tổng (mg/Nm^3)		CO (mg/Nm^3)		SO_2 (mg/Nm^3)		NO_x (mg/Nm^3)	
		KT01	KT02	KT01	KT02	KT01	KT02	KT01	KT02
Ngày 20/11/2021		34	43	47,0	50,6	20,2	24,9	30,5	35,5
Ngày 30/11/2021		35	48	47,0	55,9	20,3	25,3	35,6	32,4
Ngày 10/12/2021		37	52	50	57,3	20,2	28,7	35,6	37,4
Ngày 20/12/2021		36	49	38,0	55,2	21,2	29,4	33,4	31,1
Ngày 30/12/2021		37	47	50,2	56,5	21,5	26,7	37,8	34,8
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K_p=1 và K_v=0,8		**160**		**800**		**400**		**680**	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Ghi chú:

- *KT01: Khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải*
- *KT02: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư*

→ Nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số Kp = 1, Kv= 0,8.

+ Giai đoạn vận hành ổn định

Bảng 5.10: Tổng hợp kết quả xử lý của HTXL khí thải giai đoạn vận hành ổn định

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m^3)	Thông số ô nhiễm							
		Bụi tổng (mg/Nm^3)		CO (mg/Nm^3)		SO_2 (mg/Nm^3)		NO_x (mg/Nm^3)	
		KT01	KT02	KT01	KT02	KT01	KT02	KT01	KT02
Ngày 10/01/2022		33,5	49,7	46,5	57,7	21,57	26,75	36,87	33,2
Ngày 11/01/2022		32,5	48,5	45,7	54,8	22,4	26,1	34,5	30,2
Ngày 12/01/2022		31,8	47,2	44,1	55	23,2	26,7	33,5	30,8
Ngày 13/01/2022		30,6	45,8	43,2	54,6	24,5	25,9	32,7	29,2
Ngày 14/01/2022		29,2	43,3	41,4	52,2	24,6	25,4	31,5	20,2
Ngày 15/01/2022		29,8	43,2	41,4	52,3	24,6	25,4	31,5	30,2
Ngày 16/01/2022		29,1	42,2	41,5	50,4	24,3	27,1	30,4	29,1
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số K_p=1 và K_v=0,8		**160**		**800**		**400**		**680**	

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

Kết quả phân tích chất lượng khí thải sau xử lý giai đoạn vận hành ổn định cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số Kp=1 và Kv =0,8.

CHƯƠNG VI
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cở sở đã được chấp thuận theo Thông báo số 3318/STNMT-QLMT ngày 15/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường và kết quả quan trắc chất thải đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình (đã trình bày ở chương 5). Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

6.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc môi trường nước thải sinh hoạt sau xử lý

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD_5, TSS, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, tổng Coliforms;
- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu;
- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra sau HTXLNT sinh hoạt tại cơ sở (NT_1).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, hệ số K = 1,2.

b. Quan trắc môi trường nước thải từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư sau xử lý

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Thông số giám sát: pH, BOD_5, COD, SS, Amoni, Phosphat, Coliform;
- Số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu;
- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra sau HTXLNT từ HTXL bụi, khí thải, nhiệt dư tại cơ sở (NT_2).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số Kq = 0,9, Kf=1,2.

c. Quan trắc khí thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Thông số giám sát: lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x (tính theo NO_2);
- Số lượng mẫu giám sát: 02 mẫu;
- Vị trí giám sát:
  + Khí thải sau hệ thống lọc bụi túi vải (KT_1)
  + Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư (KT_2).
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kp = 1, Kv= 0,8.

d. Quan trắc môi trường lao động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần;
- Các thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, nhiệt độ, bụi hô hấp, SO_2, NO_2, CO;
- Số lượng mẫu giám sát: 03 mẫu;
- Vị trí giám sát:
  + 01 mẫu không khí tại dây chuyền lau bóng gạo (KK_1);
  + 01 mẫu không khí tại dây chuyền sấy lúa (KK_2);
  + 01 mẫu không khí tại dây chuyền xay xát lúa (KK_3).
- Quy chuẩn so sánh:
  + QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
  + QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
  + QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung
  + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
  + QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

e. Quan trắc chất thải rắn

- Thống kế, theo dõi chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh về khối lượng, công tác thu gom tại khu vực cơ sở và công tác thu gom của đơn vị ký hợp đồng xử lý;
- Giám sát khu vực lưu trữ tập trung chất thải;
- Tổng hợp kết quả và báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 01 năm/lần.

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện môi trường hằng năm được trích từ nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở.

CHƯƠNG VII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chủ cơ sở cam kết tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;

- Chủ cơ sở sẽ nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung đã nêu trong báo cáo ĐTM của cơ sở sau khi được phê duyệt; đảm bảo tuân thủ theo các quy định của nhà nước về môi trường;

- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm và các tác động xấu như đã nêu trong báo cáo này, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định chung của các ngành, các cấp có thẩm quyền về bảo vệ môi trường có liên quan đến quá trình triển khai, thực hiện cơ sở, đặc biệt luôn có kế hoạch quản lý, giám sát thường xuyên các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã nêu trong báo cáo;

- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;

- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình triển khai cơ sở;

- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHẦN PHỤ LỤC

MỘT SỐ GIẤY TỜ, BẢN VẼ CÓ LIÊN QUAN KÈM THEO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH

Mã số Chi nhánh: 1300382312-001

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 03 năm 2013

1. Tên chi nhánh

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ

Khóm 7, Thị trấn Càng Long, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *0743.885566* Fax: *0743.885558*

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn gạo Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu gạo	*4631 (Chính)*
2	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
3	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
4	Chăn nuôi gia cầm	*0146*
5	Trồng lúa	*0111*
6	Chăn nuôi lợn	*0145*
7	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa	*0322*
8	Trồng cây ăn quả	*0121*

4. Thông tin về người đứng đầu chi nhánh

Họ và tên: TRẦN VĂN HỮU Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *01/12/1960* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: *320492967*

Ngày cấp: *31/10/2000* Nơi cấp: *Công an Bến Tre*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 7, ấp Tân Thiện, Xã Tân Thành Bình, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 7, ấp Tân Thiện, Xã Tân Thành Bình, Huyện Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

5. Địa điểm kinh doanh trực thuộc

6. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

Mã số doanh nghiệp: 1300382312

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 60 (Km39+500m), ấp An Thiện, Xã Thành Thới B, Huyện Mỏ Cày Nam, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Hoàng Đệ

BẢN SAO

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 711/QĐ-UBND	*Trà Vinh, ngày 02 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" họp ngày 19/02/2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 09/CTHT/2019 ngày 12/4/2019 của Chi nhánh Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài;

Xét Tờ trình số 177/TTr-STNMT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Chi nhánh Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện: Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Diện tích: Tổng diện tích là 8.008 m^2, trong đó, phần diện tích nhà máy sấy và xay xát là 4.057 m^2 thuộc các thửa đất số 162, 163, 164, tờ bản đồ số 49 và phần diện tích nhà máy lau bóng là 3.951 m^2 thuộc thửa đất số 208, 209, tờ bản đồ số 52.

1.3. Quy mô và công suất:

Lau bóng gạo, sấy vỉ, xay xát lúa, ép củi trấu:

- Gạo trắng: 120 tấn/ngày;
- Lúa sấy: 180 tấn/ngày;
- Gạo lứt: 140 tấn/ngày;
- Củi trấu: 24 tấn/ngày;
- Phụ phẩm: tấm, cám.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để quản lý chất thải từ hoạt động thi công; đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường; giảm thiểu những tác động bất lợi khác đến khu vực xung quanh (giao thông, an ninh trật tự,...).

2.2. Thiết kế, xây dựng, vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ công trình xử lý nước thải, khí thải, bụi đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; đồng thời thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm hạn chế thấp nhất các tác động phát sinh từ dự án đặc biệt là bụi trong giai đoạn hoạt động.

2.3. Phân loại, thu gom và có biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, chất thải nguy hại phù hợp và đúng quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; đồng thời, chất thải rắn xây dựng phải được quản lý theo đúng hướng dẫn Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng và chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng hướng dẫn Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường; lập phương án bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

2.5. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân và đối tượng xung quanh (đặc biệt là bụi) thì dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý và thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 và Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Càng Long; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Càng Long, huyện Càng Long; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NN. 09

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

D:\Cs\Nam2019\DTM\07.QDpheduyetDTMnhamaychebienluongthucHiepTai.doc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
Số: /TD-PCCC( )
PHÒNG CS PCCC & CNCH
Số: 58/ TD. PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày *08 / 09 / 2012*

của: *Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài*

Người đại diện là ông/ bà: *Trần Văn Hữu* Chức danh *Giám đốc*

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) Công trình: Nhà máy chế biến lương thực

Địa điểm: TT Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH lương thực Hiệp Tài

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty CP tư vấn thiết kế xây dựng Hưng Long

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống chống sét, phương tiện chữa cháy sách tay.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

01/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.

02/ Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan CS- PCCC& CNCH

Trà Vinh, ngày *10* tháng *09* năm 20 *12*

Nơi nhận:
-
-
-
-
-

(4) TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá: Nguyễn Văn No

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 3318/STNMT-QLMT
V/v thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Chi nhánh Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi lành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" vào ngày 10/11/2021 của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1335/QĐ-STNMT ngày 04/11/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 15/11/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ chỉnh sửa Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Công ty. Qua xem xét nội dung Kế hoạch và kết quả kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Công ty đã xây dựng công trình xử lý chất thải cho dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" như sau:

1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với nước thải, hệ thống thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa → máng xói → chảy tràn rạch khóm 7/sông Càng Long.

1.2. Công trình thu gom, xử lý thoát nước thải

- Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt

Hầm tự hoại: số lượng 02 hầm, công suất 4,5 m^3/ngày.đêm.

Quy trình thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải nhà vệ sinh → hầm tự hoại 3 ngăn → hố thu → cột lọc → bồn khử trùng → sông Càng Long

- Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải, nhiệt dư

Công suất xử lý: 04 m^3/ngày.đêm

Nước thải từ HTXL khí thải (sau ngăn xử lý ướt) → theo đường ống → ngăn lắng 1 → ngăn lắng 2 → ngăn lắng 3 → mương lắng → mương thoát nước nội bộ → nguồn tiếp nhận (sông Càng Long).

1.3. Hệ thống xử lý bụi nhà máy lau bóng gạo:

Công suất thiết kế của quạt hút là 15 Hp, số lượng: 09 bộ.

Quy trình thu gom, xử lý bụi: Nguồn phát sinh → chụp hút → quạt hút → cyclone lắng bụi (bụi cám) → Thoát ra môi trường bên ngoài.

1.4. Hệ thống xử lý bụi nhà máy sấy và xay xát

- Công đoạn nhập nguyên liệu và sàn tách tạp chất:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 15 Hp.

+ Túi vải lọc bụi: 16 túi.

+ Chụp hút + đường ống dẫn: 01 bộ.

+ Quạt hút: 01 cái.

+ Quy trình thu gọm, xử lý bụi: Bụi → chụp hút → đường ống → túi vải lọc bụi → thoát ra môi trường.

- Quy mô, công suất, thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi bằng túi vải của hoạt động xay:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 15 Hp.

+ Túi vải lọc bụi: 31 túi.

+ Chụp hút + đường ống dẫn: 01 bộ.

+ Quạt hút: 01 cái.

+ Quy trình thu gom, xử lý bụi: Bụi → chụp hút → đường ống → túi vải lọc bụi → thoát ra môi trường.

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải và nhiệt dư từ công đoạn sấy lúa:

+ Công suất thiết kế của quạt hút là 20 Hp.

+ Hệ thống ống dẫn bụi, khí thải, nhiệt dư: 01 hệ thống.

+ Quạt hút: 04 cái.

+ Quy trình xử lý: Bụi, khí thải, nhiệt dư → quạt hút → ngăn xử lý khô 1 → ngăn xử lý khô 2 → ngăn xử lý ướt → ống khói cao 20 m → thoát ra môi trường

- Đối với khu vực ép củi trấu: chủ dự án ngưng hoạt động hạng mục này.

1.5. Công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Bao bì hỏng phát sinh khoảng 100 kg/năm, thu gom định kỳ bán phế liệu.

- Bùn tro, tro bụi được thu gom và bán cho các hộ dân xung quanh, các hộ dân, cơ sở trồng cây kiểng.

- Tro trấu được thu gom và bán lại cho các hộ dân, cơ sở có nhu cầu sử dụng.

1.6. Công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Xây dựng kho chứa CTNH diện tích 4 m^2, nền bê tông, mái tol. Bố trí 02 thùng chứa loại 125 lít, 01 thùng chứa bóng đèn huỳnh quanh, 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu nhớt thải.

1.7. Công trình quản lý chất thải khác: Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt, loại 120 lít (Nhà máy lau bóng 01 thùng nhà máy sấy và xay xát 01 thùng). Định kỳ cuối mỗi ngày làm việc sẽ được đơn vị thu gom, xử lý (Công ty TNHH Xây dựng Sơn Trung Thành).

1.8. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Đã được phê duyệt phương án PCCC theo đúng quy định, xung quanh khu vực sản xuất được lắp đặt hệ thống đường ống PCCC. Trang bị thiết bị PCCC cơ bản tại các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cao.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ sông: Tại nhà máy đã xây dựng bờ kè chắc chắn bằng BTCT với tổng chiều dài 182,1m, trong đó chiều dài bờ kè tại khu vực Nhà máy lau bóng là 98,4m, chiều dài bờ kè tại khu vực Nhà máy sấy và xay xát là 83,7m.

Căn cứ kết quả kiểm tra công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm của dự án "Nhà máy chế biến lương thực Hiệp Tài" nêu trên cho thấy hạng mục của dự án **đã đủ điều kiện** vận hành thử nghiệm.

2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải tổng hợp đánh giá các số liệu quan trắc chất thải theo quy định tại mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, kèm theo phiếu phân tích mẫu chất thải.

Sở Tài nguyên và Môi trường **sẽ kiểm tra đột xuất** trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải để đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu đơn) để đối chứng với kết quả quan trắc chất thải của dự án làm cơ sở và xem xét, đánh giá theo quy định.

3. Đề nghị chủ dự án lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) **trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày** ***(trước ngày 28/02/2022 theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm của chủ dự án).*** Thành phần hồ sơ bao gồm:

- 01 Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- 07 Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- 01 Bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- 01 Văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Hồ sơ gửi về **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh** (Địa chỉ: số 25, đường Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, điện thoại: 0294.3826667 – 3826668) để Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Chi nhánh Công ty TNHH Lương thực Hiệp Tài biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ Sở (b/c);
- Thanh tra Sở;
- Phòng TNMT huyện Càng Long;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH TRÀ VINH

Nguyễn Quốc Tuấn

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 17-01/22-1.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	33,5	46,5	21,57	36,87
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	49,7	57,7	26,75	33,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 17-01/22-1.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,15	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	122	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	87	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	13,4	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	5,75	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,2	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,24	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	6.300	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 17-01/22-1.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,96	2 ÷12,5	5 – 9	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	34	5;0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	27	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,85	0,011	5	10	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,95	0,011	6	10	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,9	0,3	10	20	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,85	0,01	5	10	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.600	2	3000	5000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 17-01/22-1.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải –

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	6,75	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	74	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	97	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	54	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	5,95	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 17-01/22-1.24 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,80	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	25	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	44	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	19	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,072	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.300	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 20-01/22-2.25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 11/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,65	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	32	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	25	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,45	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,68	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,85	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,79	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.700	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 20-01/22-2.25 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,80	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	25	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	45	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	21	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,072	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.400	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 23-01/22-2.14 / KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	31,8	44,1	23,2	33,5
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	47,2	55	26,7	30,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 23-01/22-2.14 / KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,96	2 ÷12,5	5 – 9	5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	32	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	27	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,20	0,011	5	10	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,84	0,011	6	10	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,35	0,3	10	20	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,82	0,01	5	10	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.400	2	3000	5000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 23-01/22-2.14 / KQPT

Tp.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 12/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải –

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,65	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	28	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	44	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	26	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,084	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số :26-01/22-2.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	**Bụi tổng** *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	30,6	43,2	24,5	32,7
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	45,8	54,6	25,9	29,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số :26-01/22-2.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,50	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	30	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	25	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,95	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,75	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,15	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,83	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.400	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số :26-01/22-2.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 13/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải –

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,75	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	29	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	45	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	21	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,067	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 29-01/22-2.29 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	**Bụi tổng ***	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	29,2	41,4	24,6	31,5
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	43,3	52,2	25,4	30,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 29-01/22-2.29 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,55	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	30	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	24	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,65	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,03	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,40	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,78	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.800	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 29-01/22-2.29 / KQPT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 14/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,6^{0}C)	-	7,12	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	32	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	46	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	27	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,072	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	2.100	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 32-01/22-1.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	29,8	41,4	24,6	31,5
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	43,2	52,3	25,4	30,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 32-01/22-1.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,03	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	29	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	22	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,14	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,63	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,05	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,69	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.100	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 32-01/22-1.12 / KQPT

Tp.HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 15/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,6^{0}C)	-	6,95	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	31	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	44	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	19	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,063	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	2.400	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 32-01/22-1.13 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/01/2022

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	29,1	41,5	24,3	30,4
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	42,2	50,4	27,1	29,1
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 32-01/22-1.13 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra của HTXLNT sinh hoạt

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,41	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	28	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	21	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	3,47	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,03	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,85	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,86	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.000	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 32-01/22-1.13 / KQPT

Tp.HCM, ngày 23 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 16/01/2022

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,4^{0}C)	-	7,35	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	34	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	41	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	25	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,086	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	34	47,0	20,2	30,5
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	43	50,6	24,9	35,5
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,15	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	110	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	94	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	13,6	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	5,13	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,6	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,76	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	7.900	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý hữu cơ

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	BOD_5**	mg/L	57	1,0	30	50	TCVN 6001-1:2008
2	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	12,6	0,011	5	10	TCVN 6179-1:1996
3	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	4,05	0,011	6	10	TCVN 6202: 2008
4	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,7	0,3	10	20	SMEWW 5520.B& F: 2017

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý chất lơ lửng (Sau cột lọc)-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	TSS**	mg/L	48	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý vi sinh

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.100	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXLNT (Nước thải đầu ra)

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,68	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	29	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	22	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,02	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,05	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,7	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,92	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.100	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	6,68	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	76	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	86	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	52	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	6,15	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 804-11/21-6.43 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,77	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	19	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	35	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	16	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,094	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.400	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	35	47,0	20,3	35,6
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	48	55,9	25,3	32,4
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,05	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	115	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	90	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	12,2	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	5,11	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,3	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,08	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	7.000	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý hữu cơ-

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	BOD_5**	mg/L	53	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
2	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	11,7	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
3	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	4,12	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
4	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,3	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý chất lơ lửng (Sau cột lọc)-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	TSS**	mg/L	45	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý vi sinh

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.600	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXLNT (Nước thải đầu ra)

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,85	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	32	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	25	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,52	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,51	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,8	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	0,90	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.600	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 11 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	6,80	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	75	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	90	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	56	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	6,03	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.000	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 828-11/21-2.46 / KQPT

Tp.HCM, ngày 07 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/11/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,70	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	23	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	39	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	18	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,084	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	37	50,0	20,2	35,6
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	52	57,3	28,7	37,4
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,05	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	118	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	93	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	13,5	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	6,24	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	4,2	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	3,02	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	7.000	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý hữu cơ-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	BOD_5**	mg/L	53	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
2	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	12,5	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
3	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	4,62	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
4	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,2	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử chất lơ lửng (Sau cột lọc)-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	TSS**	mg/L	62	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý vi sinh

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	3.300	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXLNT (Nước thải đầu ra)

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,02	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	34	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	28	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	5,65	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	3,42	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,2	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,4	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	3.300	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	7,2	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	77	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	93	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	60	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	7,05	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 854-12/21-6.52 / KQPT

Tp.HCM, ngày 17 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 10/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,85	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	27	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	43	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	27	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,094	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.700	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	36,0	38,0	21,2	33,4
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	49,0	55,2	29,4	31,1
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,47	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	113	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	86	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	12,3	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	5,97	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,4	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	4,02	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	6.300	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý hữu cơ - (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	BOD_5**	mg/L	48	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
2	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	11,37	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
3	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	3,75	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
4	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	4,0	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý chất lơ lửng (Sau cột lọc)-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	TSS**	mg/L	65	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý vi sinh

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	3.500	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXLNT (Nước thải đầu ra)

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	8,2	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	30	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	26	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,95	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,82	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,1	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,8	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	3.500	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	8,2	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	70	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	105	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	72	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	6,05	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.500	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ - MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH - LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 879-12/21-3.59 / KQPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 20/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	6,87	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	25	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	44	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	29	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,086	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.400	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi tổng *	US EPA Method 5	US EPA Method 5	7,2 mg/Nm^3
2	CO*	TCVN 7242:2003	TCVN 7242:2003	2,7 mg/Nm^3
3	NO_x (tính theo NO_2)*	TCVN 7245:2003	TCVN 7245:2003	1,5 mg/Nm^3
4	SO_2*	TCVN 7246:2003	TCVN 7246:2003	5,4 mg/Nm^3

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu Nguồn thải	Bụi tổng (mg/Nm^3)	CO (mg/Nm^3)	SO_2 (mg/Nm^3)	NO_x (mg/Nm^3)
Khí thải tại Hệ thống lọc túi vải (Đo tại nguồn thải)	37	50,2	21,5	37,8
Khí thải tại Hệ thống xử lý bụi của nhà máy sấy và xay xát (Đo tại nguồn thải)	47	56,5	26,7	34,8
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B) Cmax = C x Kp x Kv với Kp =1 và Kv = 1	**200**	**1000**	**500**	**850**

Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đạc
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt đầu vào của hệ thống xử lý (Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	6,37	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	110	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	95	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	11,7	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	6,02	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,4	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,18	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	6.300	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý hữu cơ -
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	BOD_5**	mg/L	55	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
2	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	12,3	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
3	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	5,45	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
4	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	3,7	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý chất lơ lửng (Sau cột lọc)-
(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	TSS**	mg/L	47	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau HTXLNT (Nước thải đầu ra)

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(31,0^{0}C)	-	7,65	2 ÷12,5	**5 – 9**	**5 – 9**	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	37	5,0	**50**	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD_5**	mg/L	28	1,0	**30**	**50**	TCVN 6001-1:2008
4	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	4,74	0,011	**5**	**10**	TCVN 6179-1:1996
5	PO_4^{3-} (tính theo P)**	mg/L	2,86	0,011	**6**	**10**	TCVN 6202: 2008
6	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	2,2	0,3	**10**	**20**	SMEWW 5520.B& F: 2017
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt*	mg/L	1,35	0,01	**5**	**10**	TCVN 6622-1:2009
8	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.400	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444
VIMCERTS 026

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt sau công đoạn xử lý vi sinh

(Mẫu tổ hợp của 3 lần lấy mẫu)

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14: 2008/BTNMT		Phương pháp phân tích
					A	B	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	Tổng Coliforms*	MPN/ 100mL	2.400	2	**3000**	**5000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com
VILAS 444

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải từ hoạt động xử lý khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,7^{0}C)	-	7,56	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	82	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD**	mg/L	95	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	62	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	6,54	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	3.300	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: *Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử*
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
KPH: *Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG
Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology
Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM
Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869
Email : trungtamcoshet@gmail.com

VILAS 444 VIMCERTS 026

Số : 905-12/21-3.8 / KQPT

Tp.HCM, ngày 06 tháng 01 năm 2022

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI**

1/ Địa điểm lấy mẫu : **DỰ ÁN " NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI"**

2/ Địa chỉ : Khóm 7, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh

3/ Thời gian lấy mẫu : 30/12/2021

4/ Loại mẫu : Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải của HTXL khí thải – Mẫu tổ hợp của ba lần lấy mẫu

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước thải *	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
1	pH*(30,9^{0}C)	-	7,20	2 ÷12,5	**5,5 - 9**	TCVN 6492:2011
2	SS**	mg/L	27	5,0	**100**	SMEWW 2540.D: 2017
3	COD*	mg/L	45	2,0	**150**	SMEWW 5220.C: 2017
4	BOD_5**	mg/L	23	1,0	**50**	TCVN 6001-1:2008
5	NH_4^+ (tính theo N)**	mg/L	0,074	0,011	**10**	TCVN 6179-1:1996
6	Coliform*	MPN/ 100mL	1.300	2	**5.000**	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận
(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận
***KPH:** Không phát hiện (< MDL)*

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy

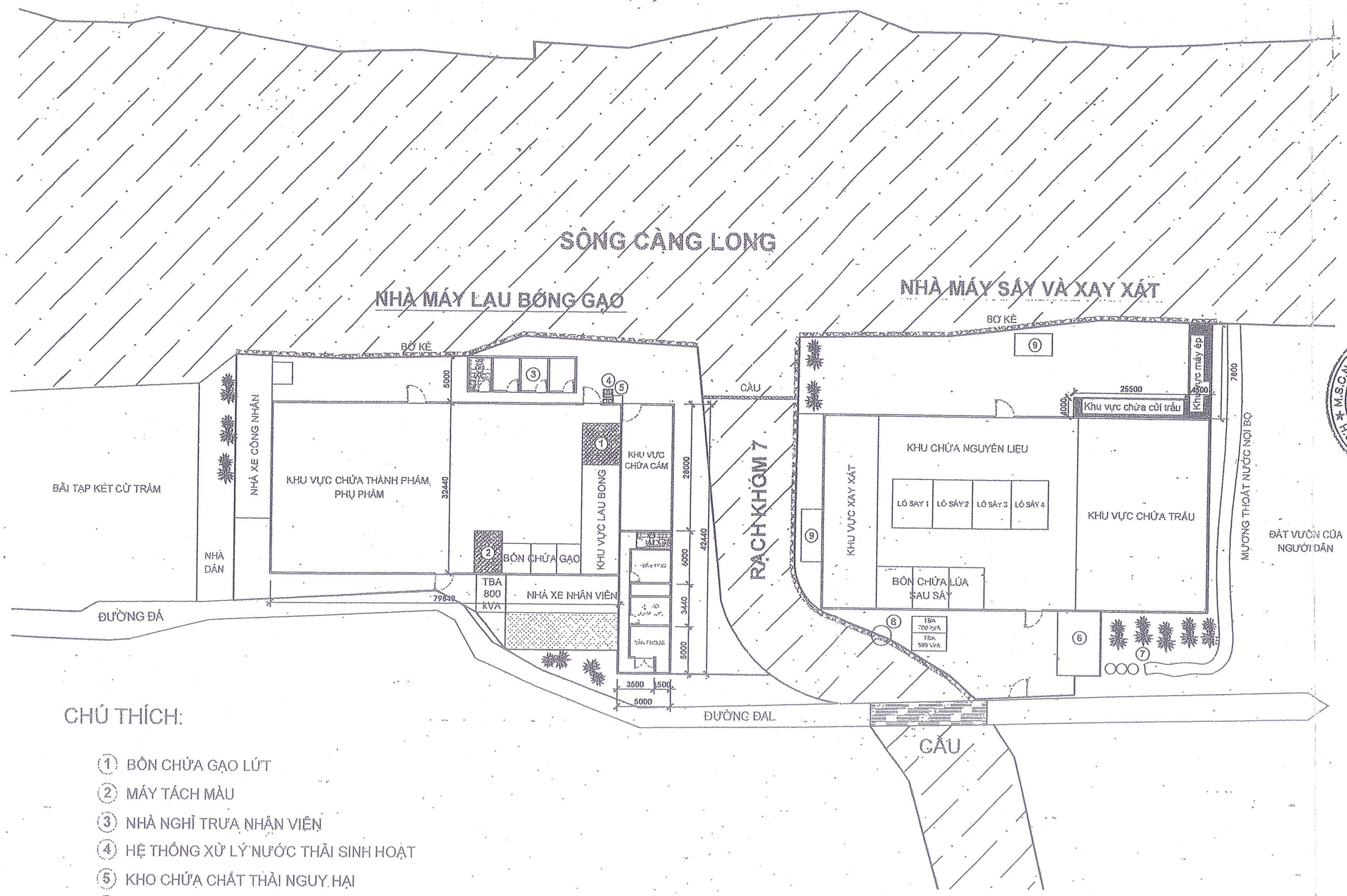
KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

ThS.Thái Sanh Bảo Huy

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ: 1/250



CHÚ THÍCH:

1. BỒN CHỨA GẠO LỨT
2. MÁY TÁCH MÀU
3. NHÀ NGHỈ TRƯA NHÂN VIÊN
4. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
5. KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
6. BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
7. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
8. HỆ THỐNG BƠM CẤP NƯỚC CHO BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI VÀ NHIỆT DƯ
9. KHU VỰC XỬ LÝ BỤI BẰNG HỆ THỐNG TÚI VẢI

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 1500382312-001-C.T.T.N
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI
H. CÀNG LONG - T. TRÀ VINH

TRẦN VĂN HỮU

THIẾT KẾ

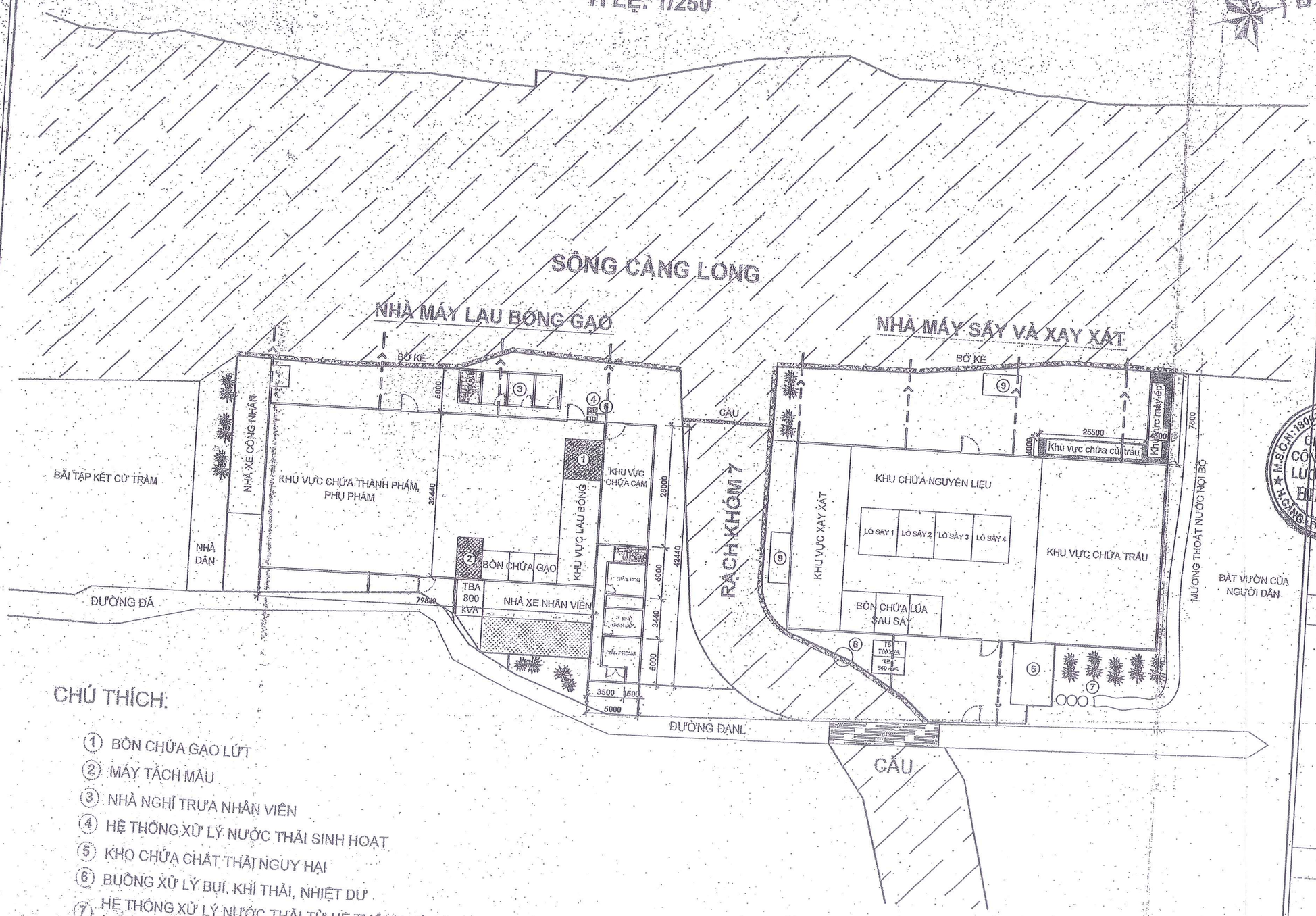
BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1:250	01

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ: 1/250



CHÚ THÍCH:

1. BỒN CHỨA GẠO LỨT
2. MÁY TÁCH MÀU
3. NHÀ NGHỈ TRƯA NHÂN VIÊN
4. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
5. KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
6. BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
7. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
8. HỆ THỐNG BƠM CẤP NƯỚC CHO BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI VÀ NHIỆT DƯ
9. KHU VỰC XỬ LÝ BỤI BẰNG HỆ THỐNG TÚI VẢI

CHÚ THÍCH:

THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA

TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI
GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 1300382312-001-C.T.T.N.H.H * CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI * H.CẦNG.T.TRÀ VINH

TRẦN VĂN HỮU

THIẾT KẾ

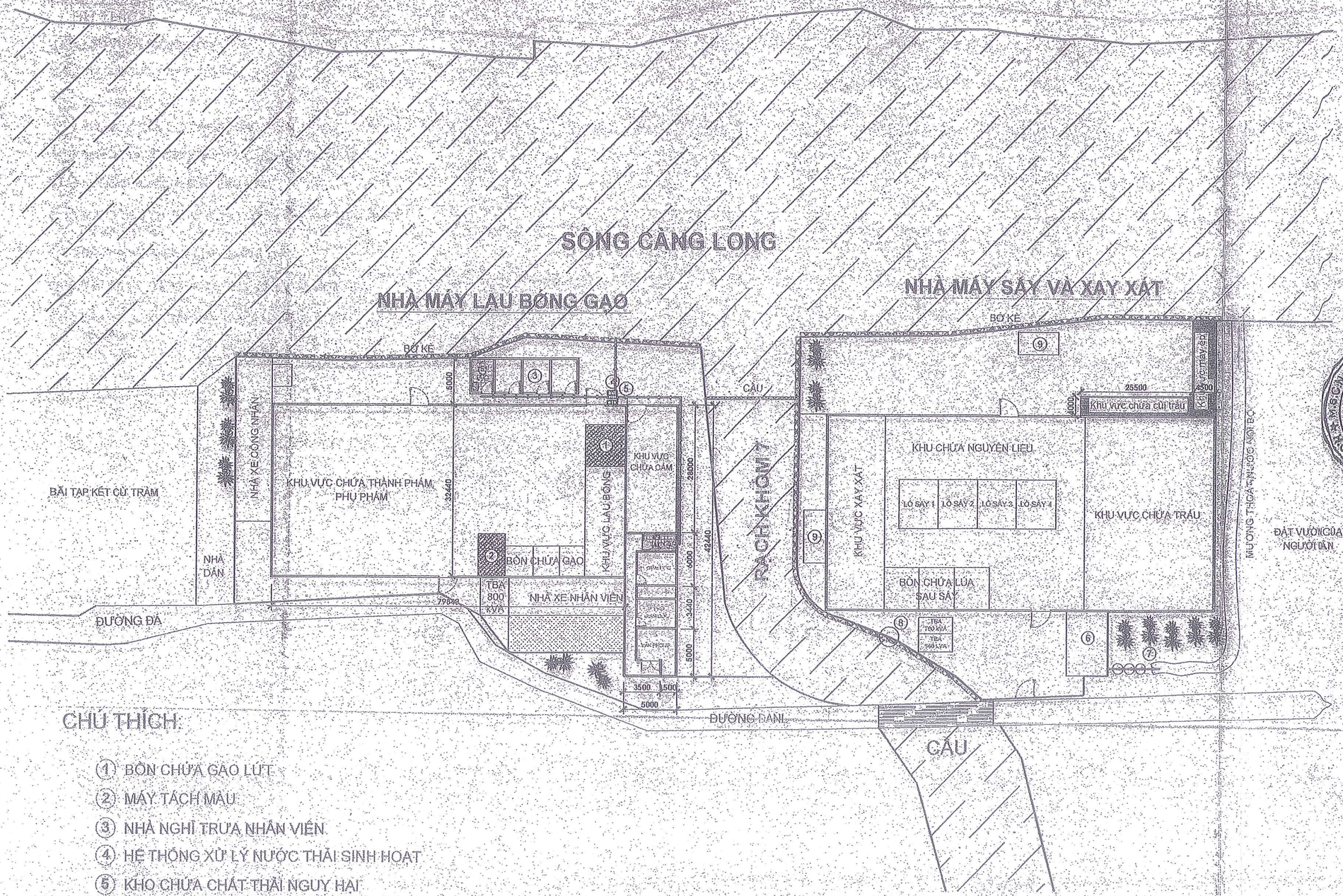
BẢN VẼ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1:250	03

MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI

TỈ LỆ: 1/250



CHÚ THÍCH:

1. BỒN CHỨA GẠO LỨT
2. MÁY TÁCH MÀU
3. NHÀ NGHỈ TRƯA NHÂN VIÊN
4. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
5. KHO CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI
6. BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
7. HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ
8. HỆ THỐNG BƠM CẤP NƯỚC CHO BUỒNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI VÀ NHIỆT DƯ
9. KHU VỰC XỬ LÝ BỤI BẰNG HỆ THỐNG TÚI VẢI

CHÚ THÍCH:

- THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT
- THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI TỪ HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

TRẦN VĂN HỮU

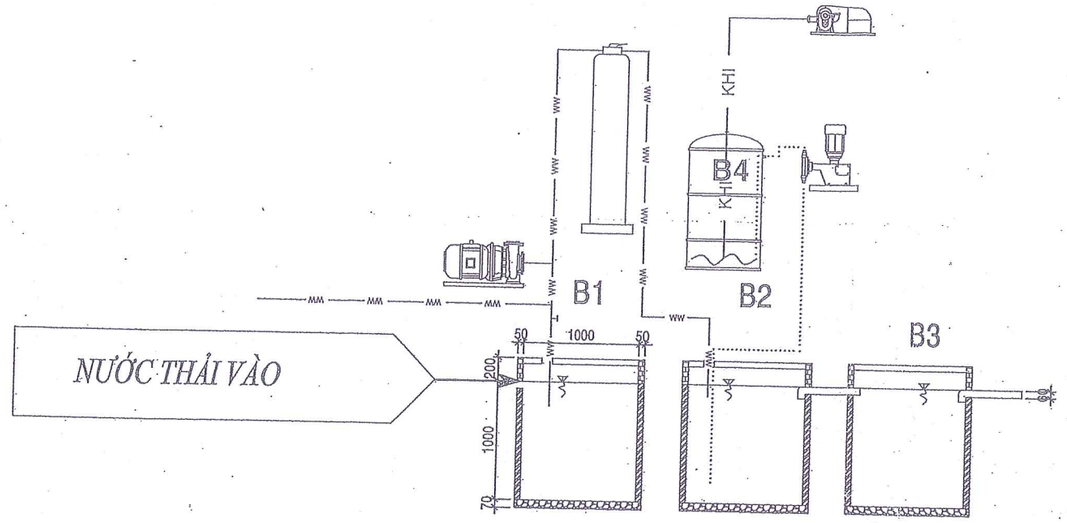
THIẾT KẾ

BẢN VẼ

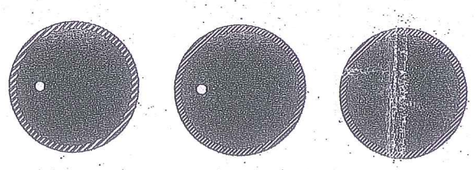
MẶT BẰNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1:250	04

SƠ ĐỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SAU BỂ TỰ HOẠI



CAO TRÌNH CÔNG NGHỆ



MẶT BẰNG NẮP BỂ

GHI CHÚ:

ĐƯỜNG DẪN KHÍ —— KHI —— KHI —— KHI —— KHI ——

ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT .....

ĐƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI —— ww —— ww —— ww —— ww —— ww —— ww —— ww —— ww ——

B1 BỂ TIẾP NHẬN

B2, B3 BỂ KHỬ TRÙNG

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
DESIGNED UNIT

CÔNG TY TNHH TV DT MT D-V-N

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

K.S: Trần Anh Vũ

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
PRESIDED

THIẾT KẾ
DESIGNED

K.S: Trần Anh Vũ K.S: Võ Tuấn Anh

VẼ
DRAW

KIỂM
CHECKED

K.S: Võ Tuấn Anh

TÊN CÔNG TRÌNH:
PROJECT NAME:

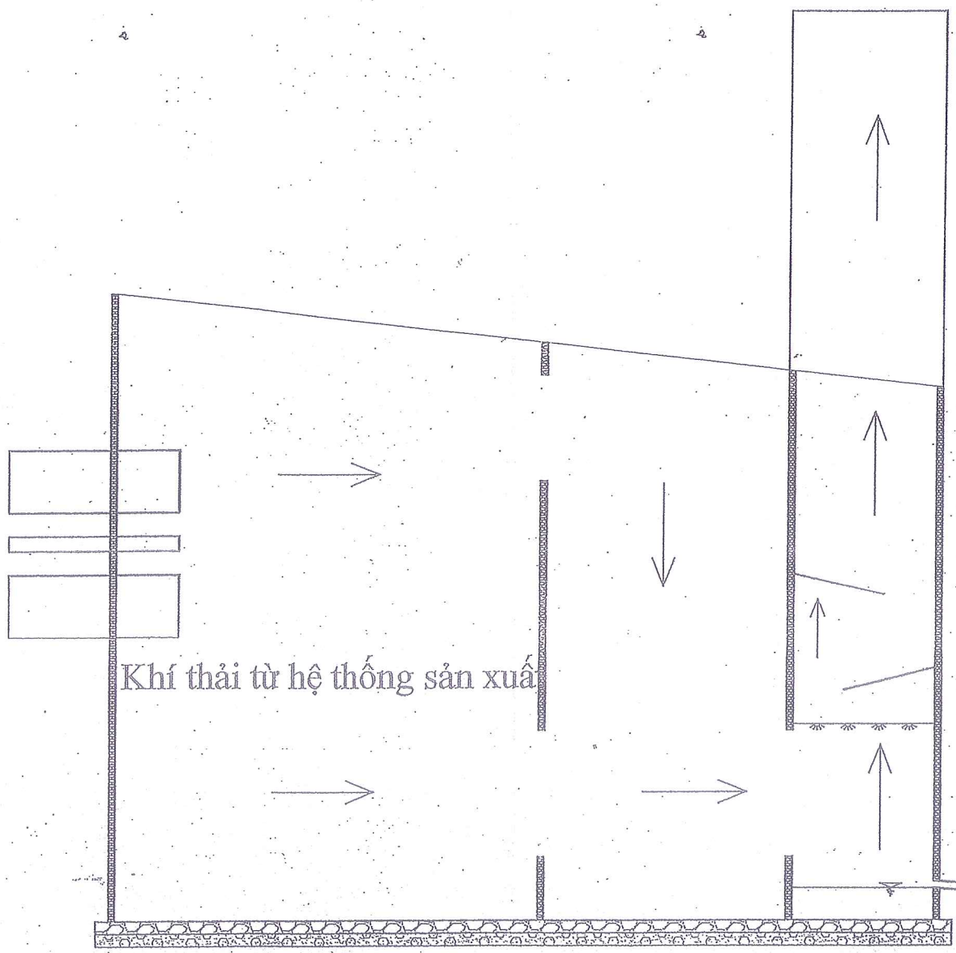
XỬ LÝ NƯỚC THẢI SH

DRAWING TITLE :

NGÀY DATE	SỐ BẢN VẼ DRAWING NO	KHỔ GIẤY PAPER SIDE
15/04/2013	KT : 01/01	A3

QUY TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI VÀ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

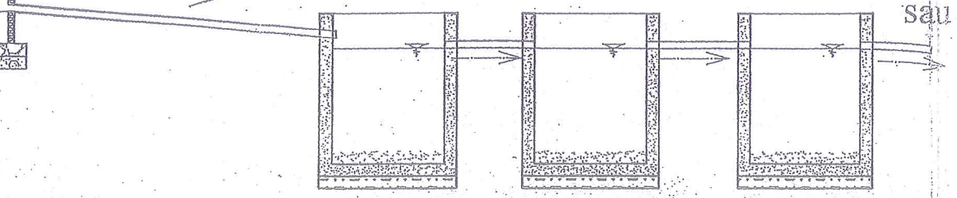
Khí thải sau hệ thống xử lý



Chú thích

→ : Dòng khí thải từ hệ thống sản xuất

→ : Dòng nước thải từ hệ thống xử lý khí thải



DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC - GIAI ĐOẠN 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

M.S.D.N: 1300382312-001 - C.T.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI - H.HOÀNG LONG - T.TRÀ VINH

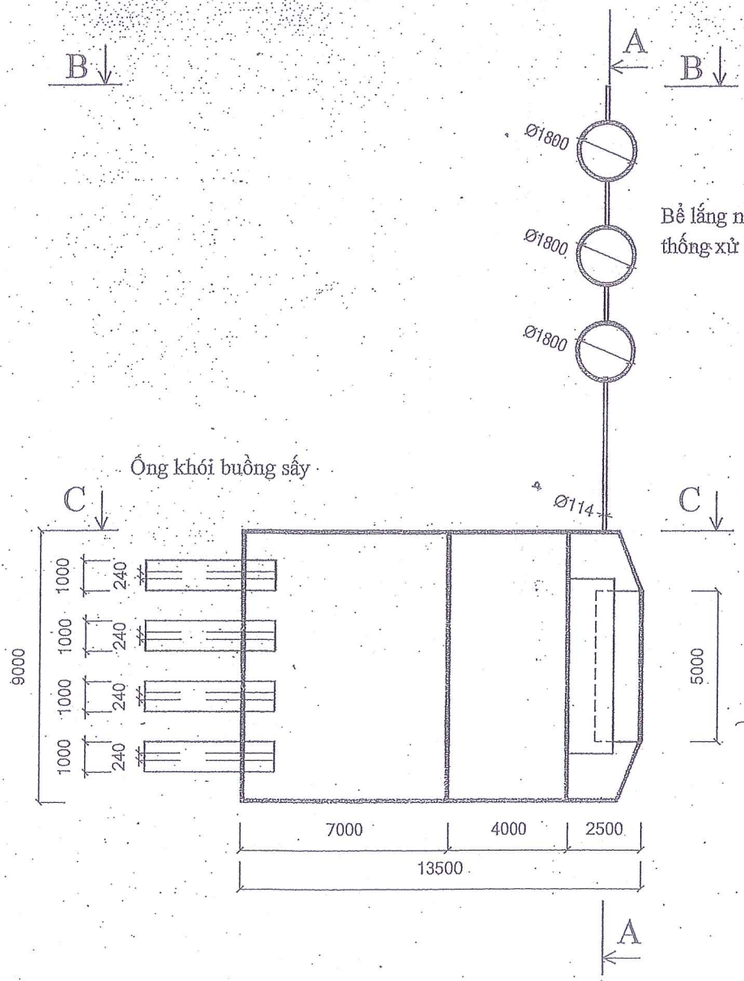
GIÁM ĐỐC

BẢN VẼ

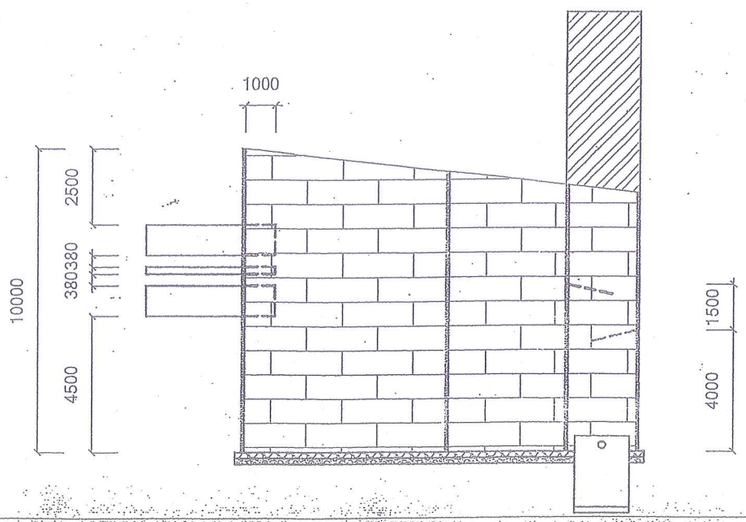
SƠ ĐỒ QUY TRÌNH XỬ LÝ KHÍ THẢI VÀ NƯỚC THẢI

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1 : 200	03

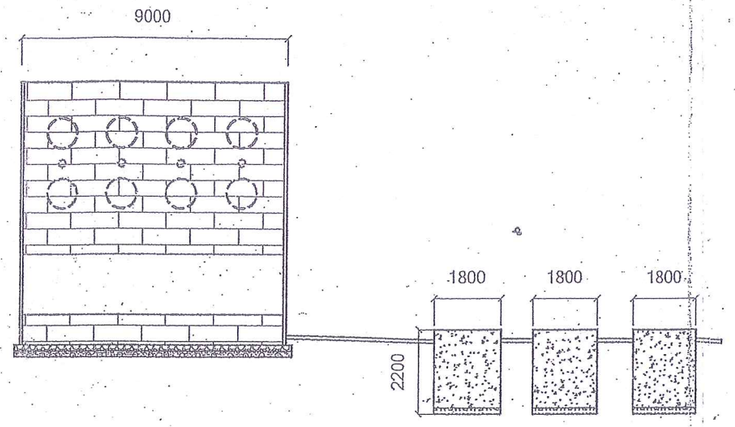
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI, NHIỆT DƯ VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TỪ HTXL KHÍ THẢI



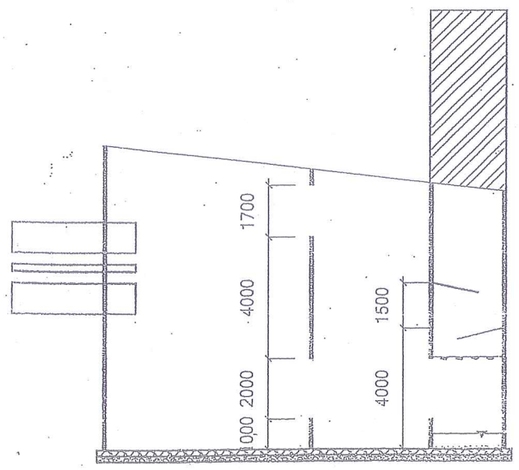
MẶT BÊN TRỤC B - B



MẶT CẮT TRỤC A-A



MẶT CẮT TRỤC C - C



DỰ ÁN

NHÀ MÁY SẤY VÀ XAY XÁT LƯƠNG THỰC - GIAI ĐOẠN 2

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

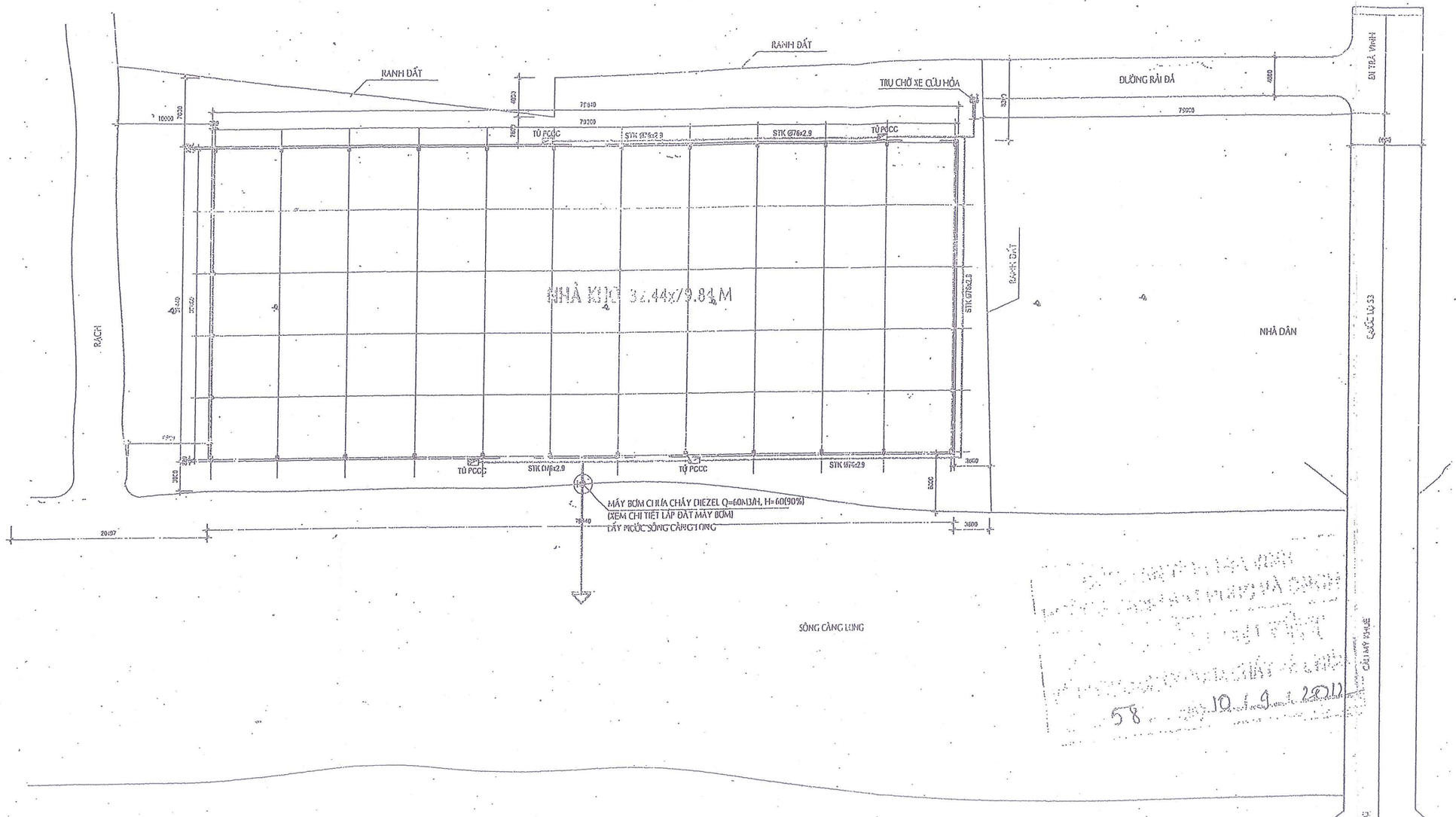
M.S.D.N: 1300382312-001 - C.T.T.N.H.H - CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI - HOÀNG LONG - T.TRÀ VINH

GIÁM ĐỐC

BẢN VẼ

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI VÀ NƯỚC THẢI TỪ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1 : 100	02



MẶT BẰNG TỔNG THỂ BỐ TRÍ HỆ THỐNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TL1/200

CÔNG TRÌNH:	NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC
CHỦ ĐẦU TƯ:	CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI
ĐỊA ĐIỂM XD:	TT CÀNG LONG, HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH
HẠNG MỤC:	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
SỐ BẢN VẼ	TC - 01
TỔNG SỐ BV	TC - 18
HOÀN THÀNH : 9 - 2012	
File.....	

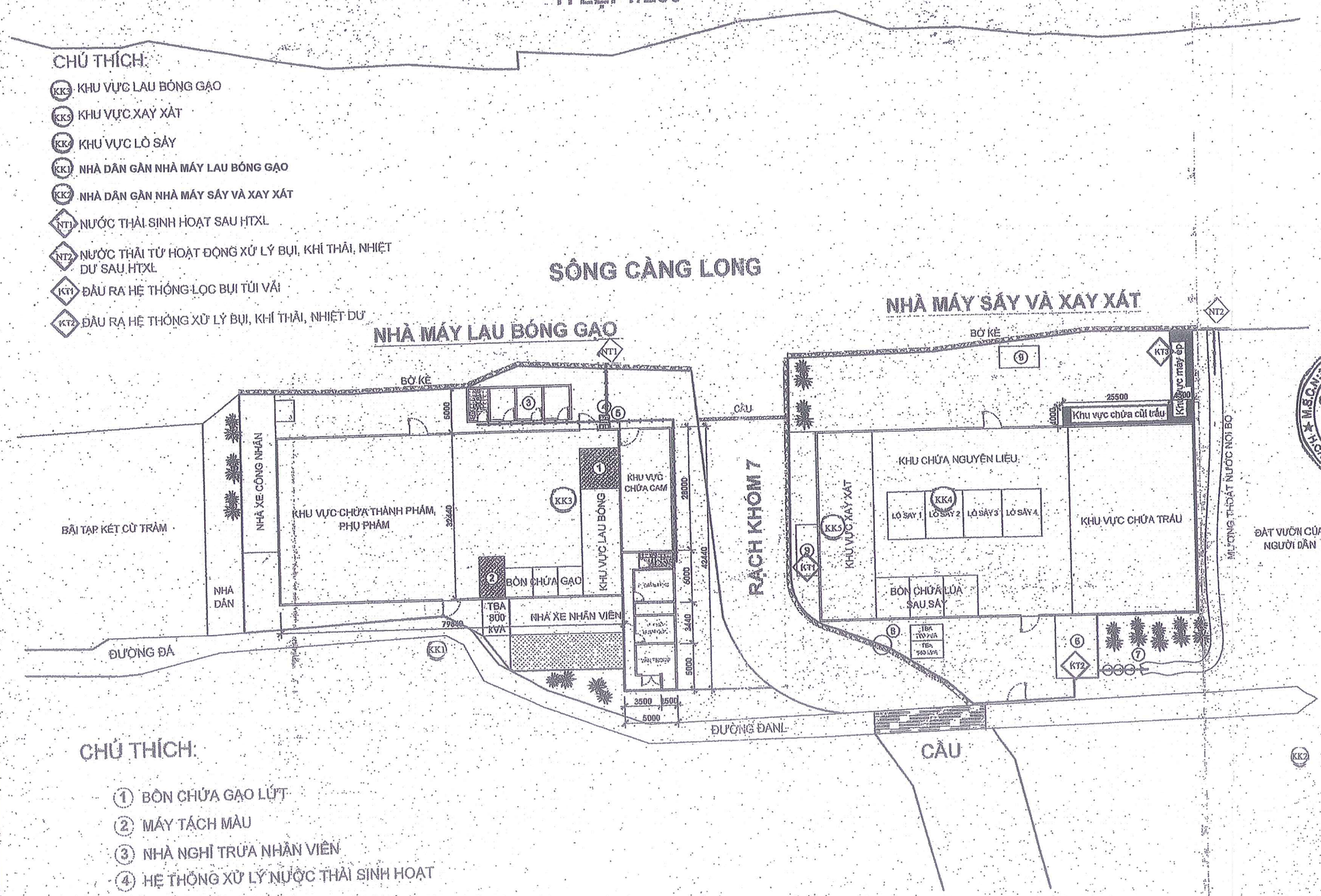
CHỦ NHIỆM	KS. HÀ THANH LỰC
THIẾT KẾ	BÙI VĂN VŨ
VẼ	TRẦN HOÀNG ÚT
Q.L.K.T	KS. LƯU NG VĨNH THANH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ - XÂY DỰNG HƯNG LONG
Địa chỉ: 5/5 Trần Thông, Ấp 7, TP Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh
ĐT: 074.3866226 Fax: 074.3867729
CHỨC DANH: PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC
TƯ VẤN THIẾT KẾ XD HƯNG LONG
BÙI VĂN VŨ

HƯNG LONG CORP

SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

TỈ LỆ: 1/250



TÊN CÔNG TRÌNH

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ MÁY CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

CHỦ ĐẦU TƯ

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

GIÁM ĐỐC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC HIỆP TÀI

TRẦN VĂN HỮU

THIẾT KẾ

BẢN VẼ

SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ

TỈ LỆ	BẢN VẼ SỐ
1:250	05